

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

TRẦN MẠNH CƯỜNG

**BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC
ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KIẾN TRÚC

Chuyên ngành: Kiến trúc

Mã số: 62.58.01.02

HÀ NỘI - 2021

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS. KTS NGUYỄN TRÍ THÀNH**
- 2. PGS.TS.KTS KHUẤT TÂN HÙNG**

Phản biện 1: **GS. TS. Doãn Minh Khôi**

Phản biện 2: **TS. Đào Ngọc Nghiêm**

Phản biện 3: **PGS. TS. Phạm Trọng Thuật**

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ
cấp Trường tại**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia;**
- Thư viện Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Sau đại hội UIA (6/1999), kiến trúc hiện đại thế giới đang chuyển mình theo xu hướng bản địa hóa, biểu hiện bản sắc địa phương nhằm khẳng định tiếng nói riêng của mỗi vùng miền, mỗi cộng đồng đóng góp vào sự đa dạng VH của thời đại mới. Toàn cầu hoá đã ảnh hưởng tiêu cực đến BH tính BD trong kiến trúc tại nhiều vùng miền.

Đại hội VI Đảng Cộng sản VN (12/1986) mở ra một giai đoạn mới của quá trình hội nhập quốc tế, trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, với nhiều tác động cả tích cực và tiêu cực. Sau hơn 30 năm, diện mạo kiến trúc đương đại, kiến trúc địa phương bị đe dọa bởi sự phát triển nhanh chóng khiến cho tinh thần BD bị phai nhạt dần.

Tính BD trong kiến trúc đã định hình trong nhiều thế kỷ với sự tiếp nối liên tục, đáp ứng nhu cầu thực tế, thích ứng với điều kiện kinh tế và bối cảnh XH của từng thời kỳ. Nhưng ngày nay nó dường như không có chỗ đứng trong kiến trúc đương đại với những đô thị phát triển thiếu kiểm soát, tràn ngập các kiểu cách kiến trúc ngoại lai.

Việc nghiên cứu, lý luận và phê bình về tính BD trong các lĩnh vực VH và kiến trúc cũng chưa được chính thức hóa và thống nhất để định hướng được cho công tác thiết kế. Việc dịch thuật một cách giản đơn không chuyển tải hết được sự phong phú và phức tạp của vấn đề BD đang được cả thế giới quan tâm, lại khiến chúng ta bị dẫn dắt bởi những quan điểm của phương Tây. Vì vậy rất cần thiết phải làm rõ nội hàm (ý nghĩa) và ngoại diện (biểu hiện) của tính BD để sử dụng cho phù hợp.

Tính BD liên quan trực tiếp đến cách thức cộng đồng địa phương tạo lập không gian kiến trúc và các cấu trúc VC, đến hình thức và ngôn ngữ biểu đạt. Việc làm rõ các thuộc tính cấu thành tính BD trong kiến trúc và các BH đặc trưng của nó sẽ giúp nâng cao chất lượng và giá trị của kiến trúc các vùng, miền. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng đã chỉ rõ “XD nền VHVN tiên tiến, đậm đà BS dân tộc ... để VH thực sự trở thành sức mạnh nội sinh trong bối cảnh ĐĐ”.

Trong bối cảnh đó, luận án chọn đề tài nghiên cứu là “Biểu hiện tính BD trong KTĐĐ VN” với mong muốn đóng góp cho việc tạo dựng nền kiến trúc Việt Nam đương đại tiên tiến và mang tính BD rõ nét, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với xu thế của thời đại mới.

2. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu

- **Mục đích nghiên cứu:** Làm rõ phương thức biểu hiện của tính bản địa trong kiến trúc.
- **Mục tiêu nghiên cứu:** 1/Xác định các phương thức biểu hiện tính BD trong kiến trúc tương ứng với môi cảnh BD; 2/XD hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BD trong KTĐĐ VN; 3/Định hướng nâng cao hiệu quả BH tính BD trong KTĐĐ VN.

3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi và giới hạn nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nội hàm (ý nghĩa) và ngoại diện (biểu hiện) tính BD trong KT.
- Phạm vi và giới hạn nghiên cứu: Các công trình kiến trúc được XD trong thời kỳ đương đại. Trên thế giới đó là thời kỳ Hiện đại muộn (sau năm 1991), thường được xem xét trong sự liên quan với giai đoạn cuối của chủ nghĩa Hiện đại (1945-1990) và. Ở VN, thời đương đại tương ứng với thời kỳ đổi mới và quá độ (từ năm 1986 đến nay).

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu cơ bản gồm: 1/ Phương pháp nghiên cứu tài liệu; 2/ Phương pháp phân tích và tổng hợp; 3/ Phương pháp phân tích cấu trúc; 4/ Phương pháp hệ thống hoá; 5/ Phương pháp so sánh và đối chiếu.

5. Nội dung nghiên cứu

1/ Hệ thống hoá các quan điểm và nhận thức về tính BĐ trong kiến trúc; 2/ XD các cơ sở khoa học về BH của tính BĐ trong kiến trúc; 3/ Xác định cấu trúc môi cảnh BĐ và các phương thức BH tính BĐ trong KT; 4/ XD hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BĐ trong kiến trúc đương đại VN; 5/ Đề xuất phát huy khả năng và nâng cao hiệu quả BH tính BĐ trong KTĐĐVN.

6. Giá trị khoa học và thực tiễn của luận án

- Giá trị khoa học: Là tài liệu khoa học cung cấp các cơ sở lý luận và nhận thức có tính hệ thống về vấn đề tính BĐ trong KT, phục vụ cho công tác nghiên cứu lý luận phê bình và đào tạo kiến trúc.
- Giá trị thực tiễn: Là tài liệu tham khảo hữu ích đối với các KTS trong quá trình thiết kế kiến trúc; góp phần định hướng phát triển và cải thiện BH của tính BĐ trong KTĐĐVN.

7. Kết quả nghiên cứu và đóng góp mới của luận án

Đã bổ sung vào hệ thống lý luận chuyên ngành kiến trúc những kết quả và đóng góp mới sau:

1/ Đã làm rõ cấu trúc của vấn đề Tính BĐ trong kiến trúc, xác lập được các phương thức BH và các khía cạnh BH tính BĐ tương ứng với các thành phần của môi cảnh BĐ, góp phần hệ thống hoá các lý luận và nhận thức về tính BĐ trong kiến trúc.

2/ Đã XD được hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BĐ trong KTĐĐ VN (gồm 7 nhóm với 25 tiêu chí thành phần). Hệ thống tiêu chí đã được vận dụng có hiệu quả để nhận diện BH tính BĐ trong một số công trình kiến trúc cụ thể.

3/ Đã đề xuất quan điểm định hướng, một số nguyên tắc và thủ pháp nhằm nâng cao hiệu quả BH tính BĐ trong kiến trúc đương đại VN; trên cơ sở đó có thể phát triển thành phương pháp thiết kế kiến trúc thể hiện tính BĐ để áp dụng trong thực tế.

8. Một số thuật ngữ dùng trong luận án

Luận án làm rõ các khái niệm thuật ngữ: 1/ Bản sắc dân tộc; 2/ Kiến trúc dân gian; 3/ Kiến trúc truyền thống; 4/ Môi trường STTN; 5/ Phương thức BH tính BĐ; 6/ Truyền thống; 7/ Văn hoá.

9. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm 3 phần (Mở đầu - Nội dung - Kết luận và kiến nghị) và các phụ lục. Phần Nội dung nghiên cứu được trình bày trong 3 chương:

- Chương 1. Tổng quan về vấn đề BĐ và biểu hiện tính BĐ trong kiến trúc đương đại VN.
- Chương 2. Cơ sở khoa học về biểu hiện tính BĐ trong kiến trúc đương đại VN.
- Chương 3. Nâng cao khả năng và hiệu quả BH tính BĐ trong kiến trúc đương đại VN.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

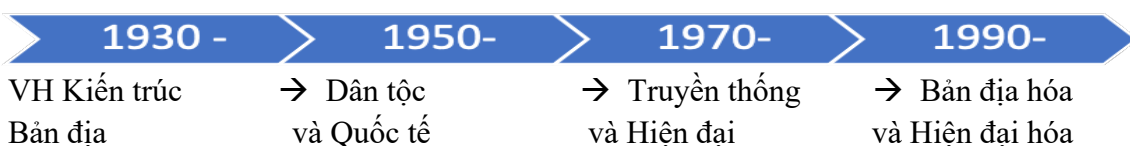
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Luận án đã phân tích làm rõ các khái niệm: 1/ Bản địa; 2/ Tính bản địa; 3/ Kiến trúc bản địa; 4/ Bản sắc; 5/ Bản sắc địa phương; 6/ Tính bản địa trong kiến trúc.

1.2. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA VẤN ĐỀ TÍNH BĐ TRONG KTĐĐ

1.2.1. Tình hình chung của hệ vấn đề dân tộc - truyền thống - bản địa

Quá trình phát triển nối tiếp của một hệ vấn đề, từ Dân tộc → Truyền thống → Bản địa, với tiến trình tổng quát là:



1.2.2. Vấn đề Dân tộc và Quốc tế trong kiến trúc

Tính dân tộc trong kiến trúc được đặt ra như một yêu cầu cơ bản và song hành với tính hiện đại, tính quốc tế. Các giá trị truyền thống được đặt trong quan hệ biện chứng với yêu cầu hiện đại hóa, bằng nhiều cách tiếp cận đa dạng để khai thác, phát huy, đổi mới, sáng tạo. Thực tiễn VH và kiến trúc tại các nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,..) và các nước thuộc địa cũ. Đã xác định những thành tố cơ bản tác động đến sự hình thành các đặc điểm dân tộc - hay tính Dân tộc - trong kiến trúc, bao gồm: 1) Các yếu tố khách quan: các điều kiện địa lý TN; 2) Các yếu tố của chủ thể: sự sáng tạo của các KTS ; 3) Môi trường kinh tế, lịch sử và VH-XH cụ thể ở các vùng miền.

1.2.3. Vấn đề Truyền thống và Hiện đại trong kiến trúc



Hình 1. 1. Chinatown với BH ngôn ngữ chữ tượng hình

Hình 1. 2. Biểu hiện đột biến trong kiến trúc đương đại Trung Quốc

Khi quốc gia và dân tộc là đồng nhất (trong phạm vi lãnh thổ), khi đất nước độc lập (không bị lệ thuộc về kinh tế và VH), con người được tự do (không bị áp lực, không bị đồng hóa) thì không có nhu cầu phải khôi phục, củng cố, hay nhấn mạnh tính Dân tộc - mà vấn đề đặt ra là khả năng duy trì, tiếp nối và hiện đại hóa các yếu tố, các giá trị Truyền thống đang hiện hữu. Các yếu tố và giá trị đó cần được đặt trong quan hệ biện chứng với yêu cầu hiện đại hóa, bằng nhiều cách tiếp cận đa dạng để khai thác và phát huy, cũng như để đổi mới và sáng tạo.



Hình 1. 3. Vấn đề dân tộc trong kiến trúc đương đại Nhật Bản

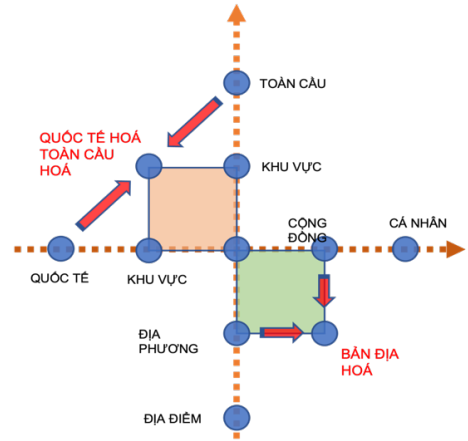
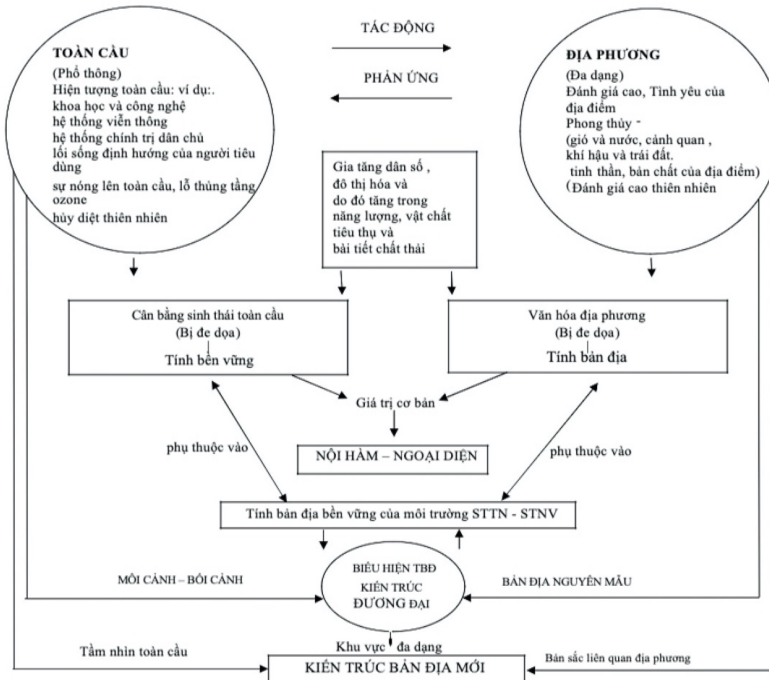
1.3. SỰ CHUYỂN HƯỚNG VÀO VẤN ĐỀ BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐD

1.3.1. Bối cảnh thế giới dẫn đến vấn đề bản địa trong kiến trúc cuối thế kỷ XX

Trong nửa cuối TK.XX, thế giới đã diễn ra những quá trình chuyển biến mạnh mẽ trong cả thực tại XH và ý thức XH, hướng đến một cục diện chung gắn liền với các vấn đề liên quan đến “bản địa”. Tại Đại hội lần thứ XX ở Bắc Kinh đưa ra khẩu hiệu “Bản địa hóa kiến trúc hiện đại” song song với “Hiện đại hóa kiến trúc bản địa”. Có thể xem “bản địa hóa và hiện đại hóa” là chiến thuật của các nước lớn nhằm vượt qua vấn đề “tính dân tộc” mà các nước thường đặt ra như một hàng rào bảo hộ về VH, một điều kiện để giữ vị thế độc lập trong ngoại giao và hợp tác quốc tế.

1.3.2. Bản địa trong bối cảnh toàn cầu hoá

Toàn cầu hóa gồm cả quốc tế hóa và khu vực hóa, chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong lịch sử đã có 2 làn sóng toàn cầu hoá và hiện nay đang là làn sóng thứ 3, lần này được nói đến nhiều vì diễn tiến nhanh hơn, áp lực mạnh hơn và phạm vi ảnh hưởng sâu rộng hơn rất nhiều. Cả 3 làn sóng toàn cầu hóa đều xuất phát từ phương Tây, nhưng có tác động rất khác nhau. Do đó, TBD trong bối cảnh toàn cầu hóa không chỉ diễn ra trong khuôn khổ quốc gia mà có sự liên thông với các tổ chức trong khu vực và trên thế giới, trong một sự nhất thể hóa đa quốc gia.



Hình 1. 4. Toàn cầu và địa phương trong bối cảnh đương đại

Hình 1. 5. Bản địa hoá đối ứng với toàn cầu hoá

1.3.3. Xu thế bản địa hoá trong KTĐD

Các KTS bản địa đã kết hợp những thành tựu từ kiến trúc phương Tây với những nghiên cứu về kiến trúc truyền thống, về điều kiện tự nhiên, đặc điểm VH-XH tại đất nước mình để tạo ra các tác phẩm hiện đại nhưng đậm chất dân tộc, địa phương. Tại các nước trên thế giới áp dụng các hình thức có nguồn gốc từ lịch sử, tự nhiên có tính biểu tượng, cho đến ứng dụng kỹ thuật hiện đại để đem đến sức sống cho kiến trúc.

1.3.3.1. Chủ nghĩa Khu vực và Khu vực mới:

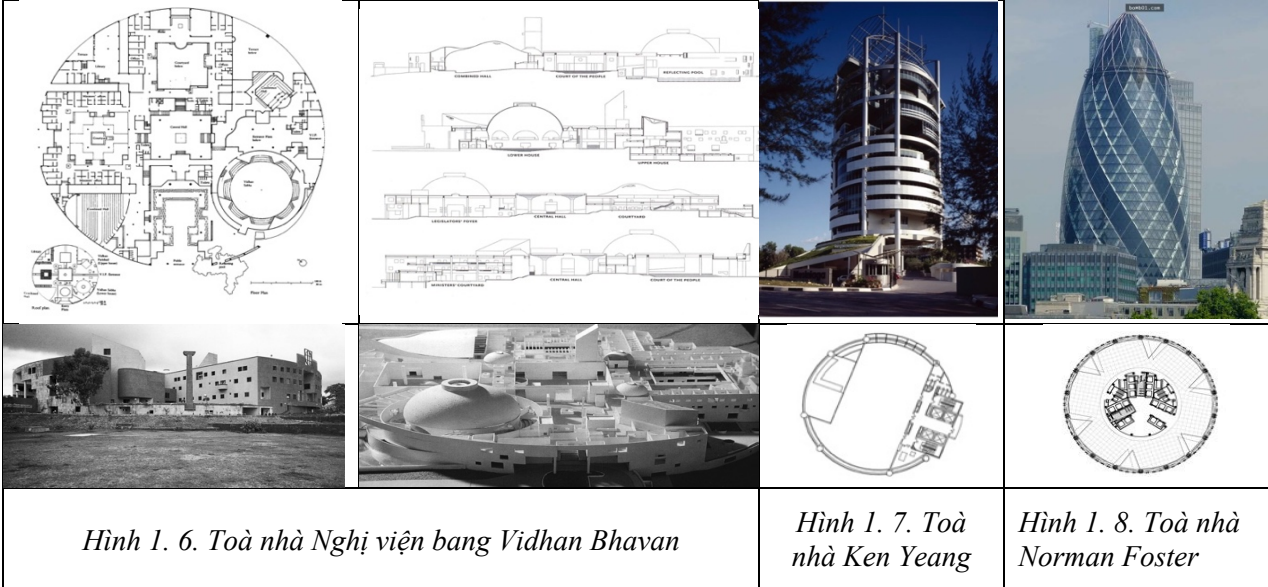
Bảng 1. 1 Các tác giả tiêu biểu của chủ nghĩa biểu hiện khu vực mới

Hassan Fathy (Ai Cập)	Charles Correa	Raj Rewal (Ấn Độ),	Geoffrey Bawa (Sri Lanka)
Tadao Ando (Nhật Bản),	Glenn Murcutt (Úc),	Alvaro Siza (Bồ Đào Nha),	Rafael Moneo (Tây Ban Nha)

1.3.3.2. Kiến trúc toàn cầu thích ứng với địa phương:

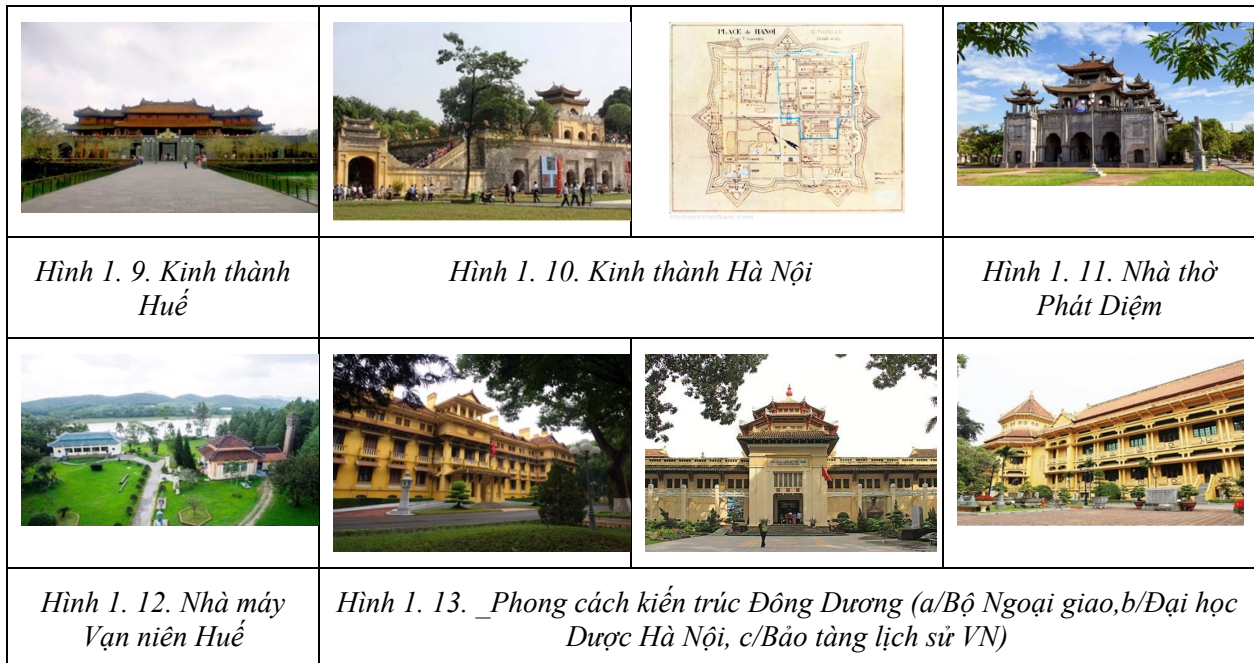
Đến cuối thế kỷ XX đã hình thành khái niệm Glocal - “tính toàn cầu thích ứng với địa phương”, hay “cái toàn cầu theo kiểu ĐP”. Glocal (Global + Local) là sự lồng ghép giữa cái toàn cầu (Global) và cái địa phương (Local), dung hòa giữa toàn cầu hóa (Globalisation) và địa phương hóa (Localisation). Khái niệm này xuất hiện vào đầu những năm 1990- phỏng theo tiếng Nhật

“dochakuka” - nghĩa là làm cho kỹ thuật canh tác (trồng trọt và chăn nuôi) thích ứng với điều kiện của một địa phương xác định. Sau đó nó trở thành phổ biến và chính thức được ghi nhận trong Từ điển Oxford (The Oxford Dictionary of New Words, 1997).



1.4. TÌNH HÌNH BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐĐVN

1.4.1. Biểu hiện tính BD trong kiến trúc giai đoạn trước năm 1986



Trong suốt thời kỳ phong kiến, các loại nhà ở dân gian, đình, chùa, đền, miếu... ở nông thôn đều giống nhau về hình thái và cấu trúc (chỉ khác về quy mô, VL, mức độ và hình thức trang trí); kiến trúc tại các đô thị truyền thống cũng theo một vài dạng thức chung - thích ứng với hình thái đất hẹp và phát triển theo chiều sâu.

1.4.2. Biểu hiện tính BD trong kiến trúc giai đoạn sau năm 1986

Từ năm 1986 đến nay, nền kiến trúc nước ta chuyển sang mô thức VH của thời kỳ quá độ “tiên tiến và bản sắc văn hóa” để “hòa nhập mà không bị hòa tan”. Trong đó các công trình kiến trúc đều được các tác giả quan tâm nghiên cứu đến TBD trên cơ sở bản địa hóa trong kiến trúc hiện đại và hiện đại hóa TBD đã thể hiện rõ trong trào lưu KT hiện đại mới nói riêng và KTĐĐVN nói chung.

Bảng 1. 2 Biểu hiện tính BD trong kiến trúc của một số KTS ĐDVN

			
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Bảo tàng Đắk Lắk	Bảo tàng Điện Biên Phủ	Trung tâm Hội chợ triển lãm Hải Phòng
			
Chợ Đông Hà, Quảng Trị	Trung tâm hội nghị quốc tế Hà Nội	Trung tâm VH Kinh Bắc (Bắc Ninh)	Đài tưởng niệm Bắc Sơn, Hà Nội

Các KTS Việt Nam đã kết hợp lối tạo hình đơn giản, khúc chiết (của dòng kiến trúc hiện đại công năng) với các giải pháp khí hậu và mô phỏng hình thức truyền thống (mái dốc)/ cách điệu chi tiết (chắn nắng, trang trí) / vật liệu địa phương (gạch, ngói, gỗ, đá,..) ở các mức độ khác nhau, hình thành dòng kiến trúc hiện đại BD.

Bảng 1. 3 Biểu hiện BD hoá trong kiến trúc của một số KTS nước ngoài tại Việt Nam

				
Cung VH Lao động Hữu nghị (Hà Nội)	Bảo tàng Hồ Chí Minh	Thư viện và Bảo tàng Quảng Ninh	Bảo tàng Hà Nội (hoàn thành XD)	
				
Trung tâm hội nghị quốc gia Mỹ Đình	Nhà Quốc hội VN	Prime Center 53 Quang Trung	Khu nhà ở Dolphin Plaza Hà Nội	Bitexco Financial Tower (Tp.HCM)

Còn kiến trúc hiện đại quốc tế khi du nhập vào Việt Nam cũng được các KTS nước ngoài ít nhiều BD hóa về hình thức, tuy nhiên do hiểu biết về Việt Nam còn ít nên sự liên hệ còn thô, khiên cưỡng / lệch lạc.

Bảng 1.4 Quan điểm của chuyên gia về các khía cạnh của kiến trúc BD

Quan điểm của các nhà nghiên cứu	VLXD và CN truyền thống	Đáp ứng nhu cầu con người	VH cộng đồng, truyền thống	Phù hợp điều kiện kinh tế	Tự phát, không chuyên	Phù hợp khí hậu và MT	Thích ứng với hiện tại
Paul Oliver	X	X		X			
A.Rapoport	X	X	X	X	X	X	
Baker	X	X	X	X		X	
Porter	X	X			X		
Allsopp	X	X		X			
Allen Noble					X		
Ashok Lall	X		X			X	X
L.Asquith & M.Vellinga			X				X
Natalia Kostelnikova	X						X
S.Brand			X	X			X
S.Murakami & T.Ikagawa	X			X		X	
Z(John) Zhai J.M.Previtali			X	X		X	
Wikipedia	X			X	X		X
	9/13	5/13	6/13	8/13	4/13	5/13	5/13

1.5. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC

1.5.1. Các công trình nghiên cứu trên thế giới

Các nghiên cứu tại nước phương Tây chủ yếu là những nghiên cứu riêng lẻ về một loại hình cụ thể của KTBD ở các vùng miền, địa phương khác nhau. Mục đích nhằm làm rõ những bài học kinh nghiệm từ quá khứ, để bảo tồn và khai thác giá trị của quỹ kiến trúc dân gian hiện còn, không nhằm áp dụng vào việc “bản địa hóa” công trình mới, vì môi trường xây dựng nói chung đã ổn định. Như Thomas Hubka nghiên cứu về kiến trúc thánh đường Do Thái ở Đông Âu, kiến trúc nông trại ở New England, Mỹ; A.Rappaport “House Form and Culture”, (1969), khảo cứu hình thức của các kiểu nhà ở dân gian trong vành đai nhiệt đới và chỉ ra mối liên hệ giữa KT và VH bản địa thông qua chủ thể chung là tộc người; Paul Oliver với các sách “Dwelling - The House across the World” (1987), “Encyclopedia of Vernacular Architecture of the World” (1997), và “World Atlas of Vernacular Architecture” (2005).

1.5.2. Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam

Nhìn chung, các nghiên cứu của Việt Nam hầu hết tập trung vào mối liên hệ giữa các yếu tố bản địa nguồn (điều kiện khí hậu tự nhiên và môi trường VH-XH) với các đặc điểm của kiến trúc dân gian, kiến trúc truyền thống.

- Về kiến trúc nhà ở dân gian: Nguyễn Cao Luyện “Từ những mái nhà tranh cỏ truyền”, (1977); Nguyễn Khắc Tụng “Nhà cửa các dân tộc trung du miền Bắc Việt Nam”, (1978); Chu Quang Trứ “Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam”, (2003).

- Về vấn đề BSDT trong kiến trúc: Hội thảo “Toàn cầu hóa và bản sắc trong kiến trúc” của Hội KTS VN, (2000); Tuyển tập “Bàn về vấn đề dân tộc và hiện đại trong kiến trúc Việt Nam” của Viện Nghiên cứu kiến trúc (1999).

- Về quan hệ giữa kiến trúc và VH truyền thống: Có các luận án của TS Nguyễn Đình Toàn “Những nhân tố tự nhiên và truyền thống VH bản địa trong kiến trúc thời Pháp thuộc”, (1998) và của TS Khuất Tân Hưng “Mối liên hệ giữa VH và kiến trúc nhà ở dân gian vùng đồng bằng Bắc bộ”, (2007).

- Về quan hệ giữa kiến trúc và khí hậu: Nguyễn Huy Côn “Khí hậu - Kiến trúc - Con người”, (1985) và “Kiến trúc và môi sinh”, (2004); Hoàng Huy Thắng “kiến trúc nhiệt đới ẩm”; Trần Quốc Thái “Kiến trúc bền vững từ góc độ thích ứng khí hậu địa phương”, Luận án TS, (2006); Phạm Đức Nguyên “Kiến trúc sinh khí hậu”, (1997).

- Về nghiên cứu chuyển hóa các đặc trưng VH-XH truyền thống vào việc thiết kế “bản địa hóa” kiến trúc các công trình biểu diễn, có: Nguyễn Trí Thành “Yếu tố VH trong kiến trúc công trình biểu diễn ở Việt Nam”, Luận án TS, (2004) đề cập đến mối quan hệ cộng sinh giữa CTBD và môi trường VH-XH của địa điểm; Luận án của Vũ Đức Hoàng đã tổng kết vấn đề khai thác các yếu tố đặc trưng của địa điểm (các yếu tố cảnh quan tự nhiên và VH-XH bản địa) nhằm tạo dựng bản sắc địa phương cho kiến trúc các khu du lịch nghỉ dưỡng (đặc biệt là từ kinh nghiệm của các khu nghỉ dưỡng ở khu vực Đông Nam Á).

1.5.3. Những vấn đề cần giải quyết trong luận án

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu tuy bàn nhiều về bản sắc địa phương trong kiến trúc nhưng chưa có sự đối chiếu và liên hệ với các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực VH học về bản sắc VH của dân tộc theo chủ thể, của địa phương, vùng miền. Một số nghiên cứu đã đồng nhất bản sắc với các yếu tố, dấu hiệu đặc trưng bên ngoài (tỷ lệ, đường nét, vật liệu, trang trí,...). Việc nhận diện cái bản địa nào là “gốc” (chưa bị ảnh hưởng từ bên ngoài - thực chất là cái dân gian, truyền thống, trong thời kỳ phong kiến) hay là “mới” (đã có sự giao thoa và tiếp biến, trong các thời kỳ cận đại,

hiện đại) lại không được rõ ràng, cũng như không chỉ ra cái bản địa nào là tính chất xuyên suốt các thời kỳ để tiếp nối đến đương đại.

Từ những vấn đề nghiên cứu nêu trên cho thấy muốn giữ gìn, khai thác phát huy TBD trong KTĐĐVN cần tập trung nghiên cứu những vấn đề trọng tâm sau:

1/ Cần nghiên cứu biểu hiện của TBD trong kiến trúc, từ đó hệ thống hóa lý luận nhận thức về biểu hiện TBD trong KTĐĐVN.

2/ Cần xây dựng các tiêu chí để nhận diện biểu hiện TBD trong KTĐĐVN.

3/ Cần đề xuất biểu hiện TBD trong KTĐĐVN.

4/ Cần đưa ra các đề xuất định hướng phát huy TBD trong việc phát triển KTĐĐVN đậm đà bản sắc dân tộc.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

2.1. Quan điểm về TBD và phương pháp tiếp cận nghiên cứu

2.1.1. Quan điểm về tính bản địa

Với quan điểm là “tính bản địa” cũng tương đồng với “bản sắc địa phương” (cũng như chuỗi liên hệ: tính BD = tinh thần bản địa = tinh thần của địa phương = bản sắc địa phương), và Bản sắc = Bản chất / bản thể (chỉ tính chất cố hữu, ở bên trong) + Sắc thái / sắc độ (chỉ mức độ biểu hiện ra bên ngoài) - thì cấu trúc của vấn đề tính BD trong kiến trúc cũng tương tự như của “bản sắc”, tức là bao gồm Nội hàm (ý niệm khái quát) và Ngoại diện (biểu hiện cụ thể).

- Nội hàm: Hán tự 内函 = Cái hàm chứa bên trong - là quan điểm của luận án về “bản địa” và “tính bản địa” trong kiến trúc. Tiếng Anh: Content.

- Ngoại diện: Hán tự 外面 (phần thể) / 外面 (gián thể) = Mặt ngoài, vẻ ngoài - là cái biểu hiện ra bên ngoài. Tiếng Anh: Appearance / External / Outward show.

- “Ngoại diện” như vậy khác với “ngoại diên” (Hán tự 外衍). Ngoại diên là phạm trù của triết học, được xếp cùng cấp và đối lập với “nội hàm” - là tập hợp toàn bộ các đối tượng có đặc điểm / tính chất được nêu trong nội hàm. Với vấn đề “tính BD trong kiến trúc” thì ngoại diên của khái niệm là tất cả các công trình có tính BD - tức là kiến trúc BD nói chung (như đối tượng nghiên cứu của phương Tây). Còn ngoại diện là những yếu tố, thành phần kiến trúc trực tiếp biểu hiện tính BD trong công trình, một cách cụ thể và chi tiết.

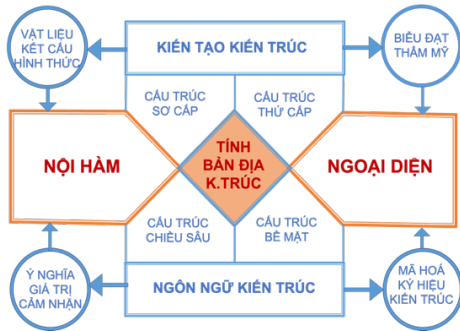
- Tính BD trong kiến trúc là một tính chất chung phổ biến, nhưng biểu hiện cụ thể của tính BD thì có thể thay đổi theo không gian và thời gian - trong đó những yếu tố bất biến thì đã được xác định, còn những yếu tố khả biến thì phụ thuộc vào phạm vi địa phương và các yếu tố ảnh hưởng nên khó xác lập được cụ thể. Vì vậy, nghiên cứu của luận án về biểu hiện của tính BD trong kiến trúc sẽ tập trung vào làm rõ mối quan hệ chi phối / cơ chế chuyển hóa từ nội hàm (là ý niệm / cấu trúc chiều sâu) đến ngoại diện (là biểu hiện / cấu trúc bề mặt) - tức là các phương thức biểu hiện và cấu trúc biểu hiện của tính BD..

2.1.2. Cách tiếp cận nghiên cứu

Trong quá khứ, kiến trúc dân gian cũng như kiến trúc truyền thống luôn BH Tính BD rất rõ nét - vì đó là hệ quả tất yếu bởi tác động song trùng của các yếu tố STTN và STNV. Ngày nay, hệ STNV ngày càng lớn mạnh và có phần lấn át STTN - thì việc BH và cảm nhận Tính BD hàm chứa cái làm nên BSDP trong kiến trúc lại phụ thuộc vào ý đồ tạo hình và giải pháp thiết kế, trở thành vấn đề được quyết định bởi ý tưởng và tinh thần, được hiện thực hóa bằng ý chí và khả năng của con người. Do đó, sự BH của Tính BD trong khách thể kiến trúc ngày nay cần được xem xét từ góc độ con người (là chủ thể tạo dựng và chủ thể cảm nhận), mang tính đại diện cho cộng đồng (với số lượng lớn, cần có

sự đồng thuận). Vì vậy, luận án tiếp cận vấn đề này một cách Thích ứng - từ các góc nhìn nhân học và XH học (về đại thể), VH học và ngôn ngữ học (ở các khía cạnh cụ thể) - sau đó phối hợp lại bằng tư duy Cấu trúc luận (bởi bản chất của kiến trúc là một hệ thống các cấu trúc).

2.1.3. Cấu trúc của vấn đề biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc



Hình 2. 1. Cấu trúc biểu hiện của Tính BD trong kiến trúc

Một cách đại thể, cấu trúc của vấn đề BH tính BD là sự thống nhất giữa nội hàm (ý nghĩa) và ngoại diện (biểu hiện), liên kết cái nhìn thấy (dấu hiệu) và cái cảm thấy (ý nghĩa), là quan hệ giữa cái bất biến (ổn định) và cái khả biến (phát triển). Với mỗi thành phần cụ thể, tùy theo mục đích nghiên cứu mà tiếp tục phân tích theo tư duy cấu trúc đến các mức độ khác nhau.

Bảng 2. 1. Các thành tố của vấn đề biểu hiện tính BD trong kiến trúc

Cấu trúc biểu hiện của tính BD	
Nội hàm: Nhận thức / ý niệm về “tính BD trong kiến trúc”	Ngoại diện: Sự biểu hiện tính BD bằng ngôn ngữ kiến trúc
Các yếu tố / thành phần	
Cái bất biến (ổn định): - Tác động từ các nhân tố BD nguồn (điều kiện TN và truyền thống VH) - Tiếp nối truyền thống - Từ quá khứ / lịch sử	Cái khả biến (thay đổi): - Con người và XH (tiếp biến VH) - Vật chất và kỹ thuật (hiện đại hóa) - Có thời điểm, thời hạn - Hướng tới tương lai
Cấu trúc sơ cấp: - Kiến tạo kiến trúc (Vật liệu - Cấu trúc - Hình thể)	Cấu trúc thứ cấp: - Hình thức kiến trúc (Phản ánh nội dung, biểu đạt thẩm mỹ)
Cấu trúc chiều sâu: - Nội dung, tính chất, ý nghĩa Cảm xúc và nhận thức (cái cảm thấy)	Cấu trúc bề mặt: - Hình thức, dấu hiệu, biểu hiện Thông tin thị giác (cái nhìn thấy)
Phương thức biểu hiện của tính BD	
Thông tin BD → Mã hóa → Ký hiệu BD	Ký hiệu BD → Giải mã → Cảm nhận BD
Phương thức mã hóa: - Ẩn dụ / Biểu trưng	Phương thức cảm nhận: - Liên hệ và liên tưởng

2.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUAN HỆ GIỮA CÁC NHÂN TỐ BD NGUỒN VÀ KT

2.2.1. Kiến trúc thích ứng với các môi trường STTN và STNV

2.2.1.1. Kiến trúc thích ứng với môi trường STTN

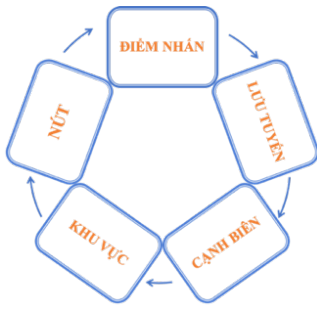


Hình 2. 2. Kiến trúc hữu cơ của F.L.Wright

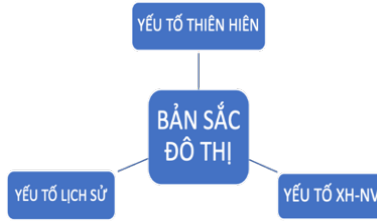
Môi cảnh TN (môi trường và cảnh quan) là nhân tố BD nguồn thiên tạo dẫn tới sự hình thành các nguyên mẫu BD (Prototype) trong kiến trúc. Một cách tổng quát thì các yếu tố địa hình, khí hậu, nắng, gió, mưa,.. quyết định hình thái và cấu trúc của kiến trúc dân gian / bản địa ở mọi địa phương. Địa hình (độ dốc và địa mạo) luôn là yếu tố khách quan tiền định (của trời đất), liên quan tới những tầm vóc to lớn (núi, sông), chi phối cả khí hậu và cảnh quan. Kiến trúc thích ứng với môi cảnh TN thì con người cảm thấy thuận tiện phù hợp và gắn bó với địa điểm. Trong quá khứ, môi cảnh TN vẫn được xem là bất biến / ổn định

- nhưng hiện nay đang diễn ra sự biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu mà kiến trúc đương đại phải tìm cách thích ứng.

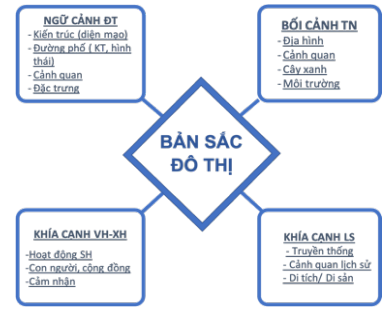
2.2.1.2. Kiến trúc phù hợp với môi trường STNV



Hình 2. 3. Bản sắc đô thị (Theo Kevin A.Lynch)



Hình 2. 4. Các yếu tố của BS đô thị (theo GS. Hoàng Đạo Kính)



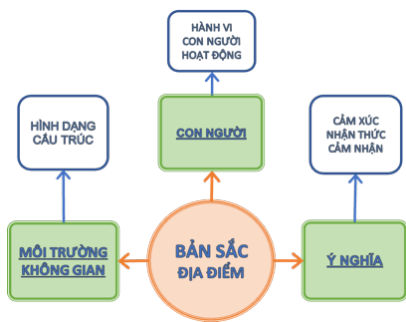
Hình 2. 5. Các khía cạnh BS đô thị quan điểm của luận án

2.2.2. Lý luận của phương Tây về mối liên hệ giữa nơi chốn và kiến trúc

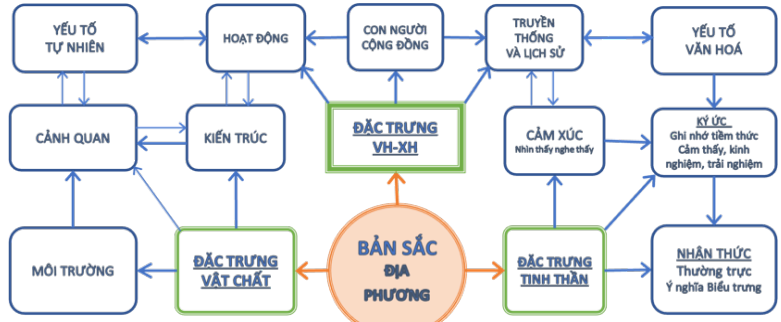
2.2.2.1. Lý luận về “Nơi chốn” (Place)

Trong Hiện tượng học kiến trúc, “nơi chốn” là vấn đề cốt lõi của mối liên hệ hữu cơ giữa công trình với con người và MT. “Thiết kế kiến trúc là làm cho tinh thần nơi chốn được hiển thị và nhiệm vụ của KTS là tạo ra những nơi chốn đầy ý nghĩa để giúp cho con người sống hạnh phúc” (Christian Norberg-Schulz).

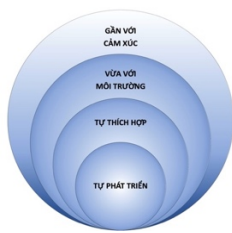
2.2.2.2. Lý luận về “hồn nơi chốn” và “bản sắc của địa điểm”



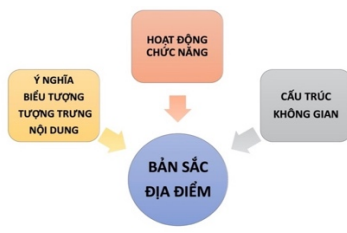
Hình 2. 6. Cấu trúc bản sắc địa điểm



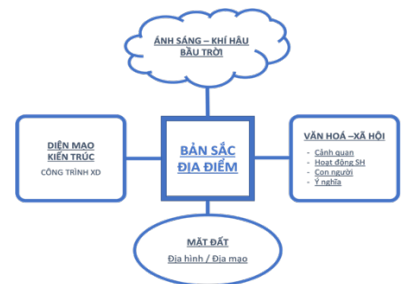
Hình 2. 7. Các đặc trưng và khía cạnh tạo lập Bản sắc ĐP



Hình 2. 8 Mức độ của BS địa điểm



Hình 2. 9. Thành phần của BS địa điểm



Hình 2. 10. Bản sắc của địa điểm

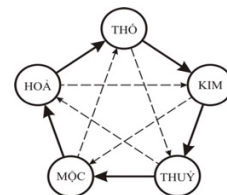
2.2.2.3. Lý luận của Phương Đông về mối liên hệ giữa kiến trúc và địa điểm



Hình 2.11. Âm - Dương



Hình 2.12. Tam tài



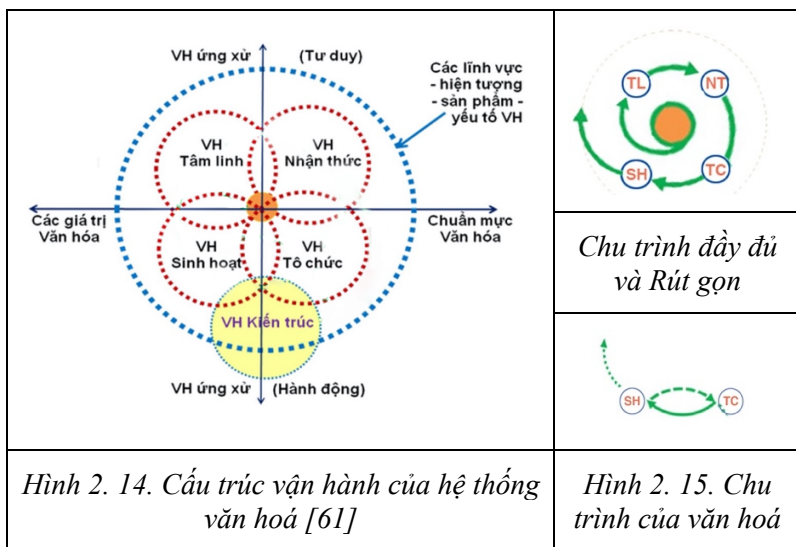
Hình 2.13. Ngũ hành

Cách thức con người xử lý các yếu tố của địa điểm XD thể hiện triết lý sống (nhân sinh quan và thế giới quan), biểu hiện VH ứng xử với MTTN. Trong triết lý Á Đông [57], giữa con người và thiên nhiên có một mối liên thông bền chặt, không thể chia cắt. Như vậy, kiến trúc hợp cách với địa điểm là kiến trúc phù hợp với các đặc trưng của môi cảnh, tạo nên thế ổn định lâu dài trong tương quan với các yếu tố của MT xung quanh; góp phần cải thiện - thậm chí là khắc phục - những yếu tố bất lợi đối với con người để có thể cư trú lâu dài tại địa điểm đó.

2.3. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC

2.3.1. Lý luận về mối liên hệ giữa văn hoá và kiến trúc

2.3.1.1. Cấu trúc và cơ chế vận hành của hệ thống văn hoá



Cấu trúc của hệ thống VH gồm: các thành tố cơ bản (VH Tâm linh, VH Nhận thức, VH Tổ chức, VH Sinh hoạt); Tâm thức (miền giao thoa của các thành tố VH, là cái gốc, khởi điểm của tiến trình VH và chi phối các thành tố); các trục Chuẩn mực - giá trị và VH ứng xử (là bộ khung định hình hệ thống VH); các lĩnh vực / hiện tượng / sản phẩm VH thứ cấp (trong đó có kiến trúc và VH kiến trúc) được hình thành và tích lũy ở vòng ngoài, tạo thành ngoại diện đa

dạng và sống động của hệ thống VH. Khi các chuẩn mực và giá trị VH còn phù hợp với thực tiễn, hệ thống VH vận hành với sự lặp lại các chu trình rút gọn (giữa VH Tổ chức và VH Sinh hoạt). Khi nảy sinh mâu thuẫn, hệ thống bắt đầu các chu trình đầy đủ (thông qua VH Tâm linh và VH Nhận thức) để hình thành những chuẩn mực mới (-> cơ chế bộ lọc VH)

2.3.1.2. Cơ sở văn hoá của kiến trúc

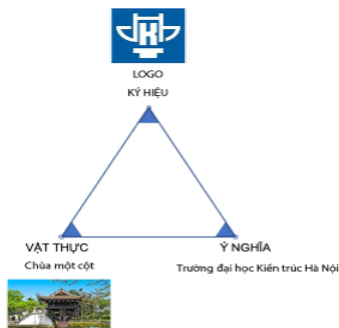
Kiến trúc như một sản phẩm VH được cấu thành từ các yếu tố vật chất, xã hội và tinh thần. Yếu tố vật chất là kết cấu các thành phần vật thể, gồm cả những đặc trưng vật lý và hình thể (qua đó phân biệt được các vật thể dù chúng có thể giống nhau về vật liệu và nguyên tắc kết cấu). Yếu tố XH là chức năng đáp ứng nhu cầu sử dụng của con người. Yếu tố tinh thần là sự đáp ứng các nhu cầu nội tâm (về thẩm mỹ, tâm linh, tình cảm, nhận thức, đạo đức, suy tưởng,..), biểu hiện nhân sinh quan và thế giới quan của con người. Kiến trúc là thể cộng sinh VH giữa cái vật thể và cái phi vật thể, do con người tạo ra và kết nối một cách có ý thức để phục vụ nhu cầu vật chất và tinh thần của mình. Với vấn đề tính BĐ trong kiến trúc, thì tự nhiên không áp đặt cách biểu hiện mà mở ra nhiều khả năng khác nhau, và VH chính là yếu tố quyết định sự lựa chọn cụ thể và cách ứng xử của con người.

2.3.2. Lý luận về ngôn ngữ thị giác trong kiến trúc

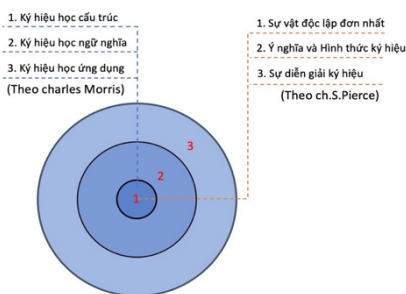
2.3.2.1. Cấu trúc biểu hiện của ngôn ngữ thị giác

Vấn đề BH tính BĐ cần được xem xét từ cấu trúc và phương thức biểu đạt của ngôn ngữ kiến trúc. Ký hiệu học đại cương (Semiology, [87], [101]) xem ngôn ngữ là một hệ thống 3 yếu tố: Vật thực (cái được đề cập cụ thể, Referent) + Ký hiệu (cái dùng để biểu đạt, Signifier) + Ý nghĩa (cái được biểu đạt, Signified), tạo thành tam giác ký hiệu học (Semiotic Triangle, hình 2.16). Trong các ngôn ngữ tạo hình thị giác thì “vật thực” hiện diện mờ nhạt, chỉ là một phần, một khía cạnh của hình

thức ký hiệu, là nấc trung gian giữa “biểu tượng” và “ý nghĩa”. Để đơn giản hóa, trong Ký hiệu học kiến trúc có thể xem các yếu tố VC - hình thể là cái mang nghĩa, cái biểu đạt (Signifier / Symbol); còn các yếu tố XH và tinh thần là cái có nghĩa, cái được biểu đạt (Signified / Reference). Cái có nghĩa cần cái mang nghĩa để BH ra, cái mang nghĩa nhờ cái có nghĩa mà trở nên giá trị - chúng liên kết để cùng tồn tại và đem lại lợi ích cho nhau, tức là cộng sinh VH với nhau.



Hình 2.17 Tam giác ký hiệu học

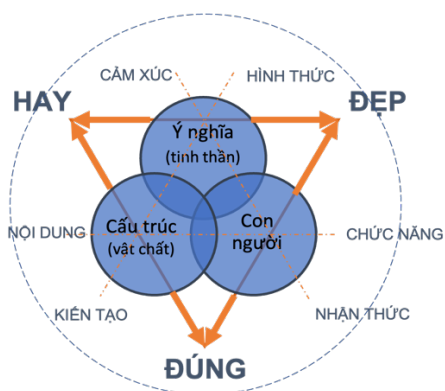


Hình 2.16. Ký hiệu học hiện đại

Ký hiệu học hiện đại (Semiotics khởi xướng bởi Charles Sanders Peirce và phát triển bởi Charles Morris) thì thu tóm cả 3 thành phần đó trong một cấu trúc thống nhất, thâm nhập vào nhau và bao chứa nhau - theo kiểu 3 vòng tròn đồng tâm / 3 tầng lớp (hình 2.17). Ch.S.Pierce (1839-1914) dựa trên cơ sở triết học của các khái niệm (ý nghĩa, biểu đạt, ký hiệu) và coi logic như là quy luật tất yếu phổ quát (Ký hiệu học = Logic học) quan niệm 3 tầng đó là: bản thân ký hiệu (là sự vật độc lập, đơn nhất), ý nghĩa và hình thức của ký hiệu (có quan hệ song trùng, mang ý nghĩa với một sự vật khác), và sự diễn giải ký hiệu (quan hệ tương tác 3 chiều, là cấu trúc chiều sâu, toàn bộ ký hiệu). Ch. Morris (1901-1979) đề cao Ký hiệu học như là “khoa học tổ chức” của các ngành XH-NV, chú trọng mối liên hệ của ký hiệu với vật thể, với con người và với các biểu tượng khác - thì cho 3 tầng đó gồm: Ký hiệu học cấu trúc (nghiên cứu sự cấu thành, tổ chức kết cấu của ký hiệu), Ký hiệu học ngữ nghĩa (nghiên cứu các loại ý nghĩa biểu đạt của ký hiệu) và Ký hiệu học ứng dụng (nghiên cứu nguồn gốc, cách sử dụng và tác dụng của ký hiệu, mối quan hệ giữa ký hiệu và người sử dụng - tức là Pragmatics / Ngữ dụng học). Theo đó, Ký hiệu học cấu trúc là tầng đầu tiên ở trong cùng và là một phần của Ký hiệu học ngữ nghĩa ở tầng

thứ 2, còn Ký hiệu học ứng dụng là tầng thứ 3 bao trùm toàn bộ. Tuy nhiên, về thị giác thì các mô hình này ngược với hình dung thông thường (thường cái gì là “bề mặt” thì ở ngoài, cái gì thuộc “chiều sâu” thì ở trong).

2.3.2.2. Phương thức biểu hiện của ngôn ngữ thị giác



Hình 2.18. Các cấp độ biểu hiện của ngôn ngữ thị giác

Các tín hiệu và hình ảnh thị giác chiếm phần lớn (60-65%) lượng thông tin mà con người nhận được từ MT xung quanh (nhiều hơn 70% so với tất cả các giác quan khác cộng lại). Và 1/3 vỏ não được huy động để xử lý lượng thông tin này. Các tia sáng phản xạ từ vật thể được thủy tinh thể hội tụ trên võng mạc gồm các thụ thể hình que và hình nón nhạy cảm với ánh sáng. Nikos Metallinos (trong Moore & Dwyer, 1994, p.60-61) [130] coi kích thích thị giác là “năng lượng điện từ, do các vật thể tác động lên võng mạc của mắt”. Võng mạc chuyển đổi tia sáng thành tín hiệu điện hóa, sau đó truyền qua thần kinh thị giác đến vùng vỏ não phụ trách thị giác ở thùy sau não.

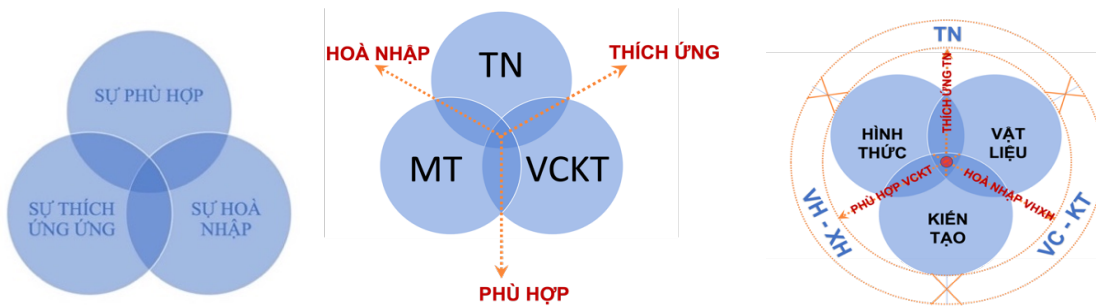
Có các đường truyền dẫn khác nhau liên quan đến màu sắc, chuyển động, độ sâu và hình dạng, HT, nhưng não bộ tích hợp thành một nhận thức duy nhất. Khi tín hiệu đã đi qua võng mạc, thì nói riêng về “thị giác” không còn ý nghĩa. Việc bộ não nhận biết

một thế giới đồng nhất thay vì 5 (ứng với 5 giác quan) cho thấy có sự kết hợp thông tin thị giác với thông tin từ các giác quan khác, cũng như với những ký ức và kiến thức hiện có. Đó là quá trình "nhận thức" với sự hình thành ý nghĩa, ý niệm.

2.3.3. Các yếu tố liên quan đến sự biểu hiện tính BĐ trong kiến trúc

2.3.3.1. Các phương diện phản ánh tính BĐ

Thích ứng linh hoạt với cuộc sống, với MT và khí hậu là yêu cầu sống còn của kiến trúc trong quá khứ cũng như trong hiện tại và cả trong tương lai. KTVN phải phù hợp với nếp sống, tập quán, tâm lý của người Việt và thích nghi với MT khí hậu nhiệt đới. Từ mối quan hệ giữa kiến trúc với các MT STTN, VH-XH và Vật chất - Kỹ thuật (VC-KT) bao chứa nó - thì tính BĐ hay BSĐP được phản ánh chủ yếu trên 3 phương diện, đáp ứng đồng thời cả 3 MT này (hình 2.19). Đó là: - **Sự thích ứng, Sự phù hợp, Sự hoà nhập.**



Hình 2.19. Các phương diện phản ánh tính BĐ trong kiến trúc

Tiếp cận vấn đề từ quan điểm Bối cảnh luận (Contextualism) - thì một công trình BH tính BĐ khi nó phù hợp, hài hòa với các MT STTN và STNV của địa phương nơi nó được XD. Từ đó dẫn tới nhận định là các phương diện phản ánh tính BĐ trong kiến trúc cũng tương đồng với các khía cạnh của Kiến trúc bền vững (Sustainable Architecture) - tức là có quan hệ bền vững với các MT TN, VH, XH, kinh tế và kỹ thuật (trong đó MT VH ngày càng trở nên quan trọng, trở thành “trụ cột thứ tư của phát triển bền vững”): 1) Thích ứng với các điều kiện TN của ĐP; 2) Tiếp nối và phát huy truyền thống VH ĐP; 3) Đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và cộng đồng; 4) Phù hợp với sinh kế và điều kiện kinh tế của người dân ĐP; 5) Thích hợp với khả năng và trình độ kỹ thuật của ĐP.



Hình 2.20. 5 tiêu chí BH BSĐP

Từ các quan điểm nêu trên, đề tài “Hướng dẫn thiết kế kiến trúc thể hiện BSĐP” (Hội KTS VN, 2010) đã đề xuất bộ tiêu chí 5 nhóm - gồm 2 nhóm về nội dung (ND1-ND2) và 3 nhóm về hình thức (HT1-HT2-HT3), tương ứng với các tính chất hợp thành tính BĐ trong kiến trúc (hình 2.20): - **ND1** (tính Thích ứng): thích ứng với các điều kiện TN và khí hậu ĐP, đạt hiệu quả về sinh thái - môi trường; - **ND2** (tính Nhân văn): phù hợp với truyền thống VH, lối sống, tâm lý, nhu cầu và khả năng thực tế của cộng đồng dân cư ĐP; - **HT1** (tính Hoà nhập): hài hòa gắn bó hữu cơ với các yếu tố cảnh quan thiên nhiên và cảnh quan VH xung quanh địa điểm XD; - **HT2** (tính Tích hợp): lồng ghép các giá trị VH, vận dụng các nguyên tắc ứng xử truyền thống vào bố cục và tổ chức không gian; - **HT3** (tính Liên hệ): sử dụng VL và kỹ thuật XD của ĐP; sử dụng các kiểu cách, hình ảnh, chi tiết đặc trưng như dấu hiệu để nhận diện nguồn gốc ĐP.

2.3.3.2. Các khía cạnh biểu hiện tính BĐ trong kiến trúc

Xem xét từ các yêu cầu về tính bền vững thì tính BĐ trong kiến trúc được biểu hiện trên các phương diện (hình 2.21). Nhìn nhận từ các tính chất cấu thành tính BĐ / BS địa phương thì:

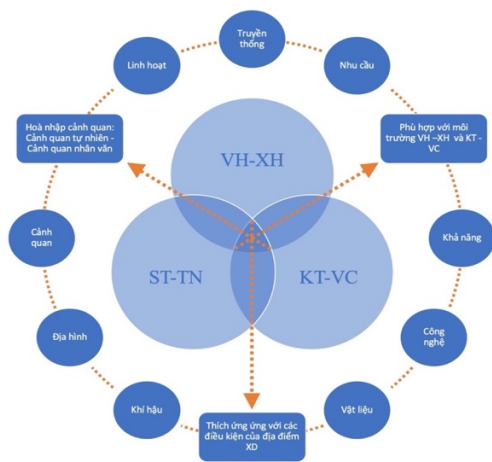
- Tính Thích ứng biểu hiện mối quan hệ bền vững với MT STTN; định hướng giải pháp không gian và kết cấu bao che giải quyết các vấn đề về ST và MT - trên cơ sở phát huy kinh nghiệm XD truyền thống, sử dụng các công nghệ, kỹ thuật và VL thích hợp với ĐP.

- Tính Nhân văn xác định mối quan hệ giữa công trình và MT STNV của ĐP, đáp ứng đúng các nhu cầu của con người, phù hợp với VH cộng đồng; hướng tới hiệu quả bền vững về cả VH-XH và VC-KT, với phương châm “kiến trúc vì con người” (của dân, do dân, vì dân).

- Tính Hòa nhập chi phối các yếu tố hình thức kiến trúc (hình thái, bố cục, cấu trúc, kiểu cách, VL, màu sắc,...) tạo sự hòa đồng gắn kết hữu cơ với môi cảnh. Một mặt, đòi hỏi sự hoà hợp VH ứng xử, VH tổ chức và VH sinh hoạt trong xử lý mối quan hệ giữa kiến trúc với các hệ thống STTN và STNV hiện có. Mặt khác, cho phép đa dạng hoá BH hình thức theo tương quan cụ thể giữa các yếu tố TN và VH-XH của ĐP.

- Tính Tích hợp lồng ghép giá trị VH / tinh thần BĐ vào kiến trúc để hoà nhập về ấn tượng. Tác động tới hình thể (bố cục và tổ chức không gian theo cách truyền thống), tới chi tiết kiến trúc (dùng hình ảnh quen thuộc, chi tiết đặc trưng của kiến trúc địa phương để nhận diện). Tạo dựng yếu tố biểu trưng để liên tưởng - không nhất thiết phải bằng VL truyền thống, mở ra khả năng hiện đại hoá bằng các VL và kết cấu mới.

- Tính Liên hệ tạo sự hoà nhập về hình ảnh, kết nối lớp vỏ công trình với cảnh quan kiến trúc - đô thị trên phương diện cảm nhận thị giác. Hình thức luôn được cảm nhận trước tiên, được nhìn nhận một cách rộng rãi và cũng nhiều cảm tính nhất - do đó sự liên hệ về hình thức với cái đang hiện diện, cái được lưu giữ trong tiềm thức con người là một khía cạnh BH Tính BĐ trong kiến trúc.



Hình 2. 21. Các phương diện biểu hiện Tính BĐ trong kiến trúc

mẫu truyền thống, cho nên đều tương tự nhau về hình thái và cấu trúc, BH rõ nét tính cộng đồng trong kiến trúc.

2.4.2. Yếu tố kỹ thuật, công nghệ xây dựng và vật liệu

Kỹ thuật và vật liệu luôn được hoàn thiện để gia tăng sự tiện dụng và giải phóng con người - nhưng làm cho cách thức XD bản địa và bản sắc địa phương ngày càng mai một. Công nghệ hiện đại mà không tương thích với điều kiện TN, VH-XH và kinh tế địa phương thì trở thành gánh nặng, không còn là công cụ để phát triển.

Có nhiều công nghệ XD thích hợp với các khía cạnh nhân văn, sinh thái và kinh tế - kỹ thuật cụ thể của mỗi địa phương. Đó là các công nghệ gốc truyền thống, đã được cải tiến / nâng cấp / hiện đại

2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BH TÍNH BĐ TRONG KTĐD VN

2.4.1. Định hướng phát triển kiến trúc VN

Tính dân tộc và tính hiện đại luôn gắn liền với nhau trong các mô thức VHVN nửa sau thế kỷ XX, và yêu cầu về sự hài hòa giữa Truyền thống và hiện đại luôn được mặc định là đường lối VH chính thống, được lấy làm định hướng phát triển kiến trúc (với tư cách là thành phần chủ yếu của VH vật thể).

Trước đó, mô thức truyền thống là “VH cộng đồng” - dựa vào các cộng đồng làng xã phân tán và tương đối độc lập, nhưng là những đơn vị VH-XH bền vững (“Phép vua thua lệ làng”). Nhà cửa tại các làng xã, đô thị làm theo kinh nghiệm dân gian và những kiểu

hóa; khai thác các kinh nghiệm thực tiễn / sử dụng các nguồn lực tại chỗ; được cộng đồng chấp nhận. Sử dụng các công nghệ thích hợp sẽ góp phần phát huy giá trị VH, biểu hiện bản sắc địa phương trong kiến trúc.

Nguồn gốc, chất cảm, màu sắc của vật liệu ảnh hưởng đến hiệu quả biểu hiện tính BD. Bản chất vật liệu ở đâu cũng là trung tính, nó chỉ biểu hiện tính BD khi được nhân văn hóa thông qua cách thức con người sử dụng nó. Do đó có thể sử dụng các vật liệu hiện đại mà vẫn chuyển hóa được tinh thần bản địa vào kiến trúc.

2.4.3. Các yếu tố thời đại

Trong thời đại mới, nhiều truyền thống BD không còn phù hợp với con người mới và nhu cầu mới - dẫn đến sự đổi mới tinh thần BD theo xu thế XH và hiện đại hóa biểu hiện phù hợp với quan niệm thẩm mỹ mới (không theo khuôn mẫu).

Tinh thần nhân văn của thời đại hướng tới đa dạng VH và bình đẳng giá trị (đề cao vai trò cá nhân, tạo cơ hội để BH) mâu thuẫn với đặc trưng VH truyền thống là tính cộng đồng (cá nhân bị ràng buộc, phải hòa vào cộng đồng). Xu thế giải phóng con người thiếu định hướng / thiếu kiểm soát có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực về VH-XH, ảnh hưởng đến nhận thức và BH tinh thần BD.

Kiến trúc bị ràng buộc về vật chất nên không thể đi trước thời đại. Hiện đại về vật chất chỉ là tương đối, có giới hạn về thời gian và không gian tùy thuộc mỗi cộng đồng, mỗi địa phương. Hiện đại về tinh thần có thể duy trì lâu dài nếu được cộng hưởng với bề dày VH. Tinh thần BD kết hợp được với yếu tố đương đại thì biểu hiện của nó có tính thời đại mà không bị lạc hậu.

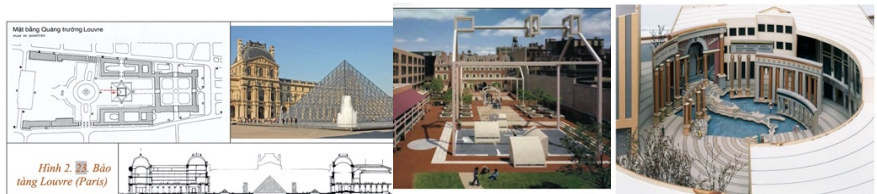
2.5. KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI

2.5.1. Bài học từ kiến trúc hiện đại Nhật Bản.



Hình 2.22. Đền nước và Nhà thờ nước (Tadao Ando)

2.5.2. Kinh nghiệm về ẩn dụ của các KTS Hậu hiện đại Mỹ



Hình 2.23. Bảo tàng Louvre (Paris)

Hình 2.22. Sân lưu niệm .. B.Franklin

Hình 2.23. Quảng trường Italia ở New Orleans (Mỹ)

2.5.3. Kinh nghiệm BD hóa KT tại các khu nghỉ dưỡng

Tiếp nối các cấu trúc VC TN của môi cảnh, thể hiện các đặc trưng hình thái của địa điểm ven biển - thông qua các hệ thống địa hình, cảnh quan, giao thông, đường dạo, kiến trúc, hạ tầng,.. trong khu nghỉ dưỡng. Đặc biệt là chuỗi mặt nước liên hoàn nối liền từ sảnh chính > hồ biểu tượng > hồ cảnh > hồ bơi > biển. Lồng ghép tối đa các đặc trưng VH-XH địa phương vào ND hoạt động và hình thức các khu chức năng trong khu nghỉ dưỡng để tạo dựng được MT kiến trúc có tính nhất quán cao (từ tổng thể và cảnh quan chung đến từng hạng mục riêng, từng không gian nội thất). Từ đó tạo ra nhiều cơ hội cho du khách được tiếp xúc với ngữ cảnh BD một cách trực quan, trực tiếp, thường xuyên và đa dạng. Rồi thông qua sự trải nghiệm và khám phá MT và cảnh quan kiến trúc mà định hướng cảm xúc và nhận thức của du khách về “hòn nơi chốn”, “BS của địa điểm” trong khu nghỉ dưỡng.

CHƯƠNG 3. NÂNG CAO KHẢ NĂNG VÀ HIỆU QUẢ BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

3.1. Phương thức biểu hiện tính BD trong kiến trúc ĐĐVN

3.1.1. Cấu trúc biểu hiện của tính bản địa

Vấn đề biểu hiện của tính BD trong kiến trúc bao gồm 2 phương diện thống nhất hữu cơ với nhau - là Nội hàm (quan niệm / nhận thức về tính BD trong kiến trúc) và Ngoại diện (biểu hiện bằng ngôn ngữ kiến trúc).

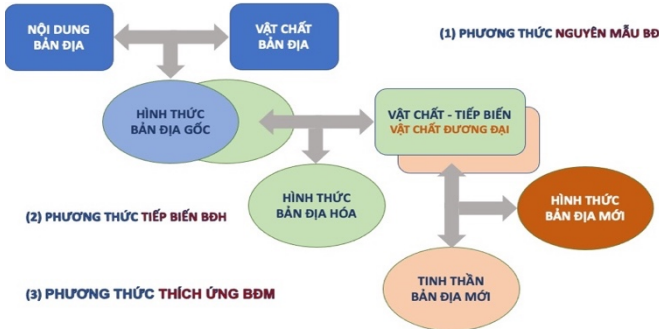
Bảng 3. 1. Cấu trúc vấn đề Biểu hiện tính BD trong kiến trúc

Cấu trúc tính BD trong kiến trúc					
Nội hàm: Nội dung BD			Ngoại diện: Hình thức BD		
Nội dung biểu hiện: Tinh thần BD (của địa điểm và con người)			Công cụ biểu hiện: Vật chất BD (vật liệu và kỹ thuật địa phương)		
Định tính: Tính chất, thuộc tính, bản chất Tính khái quát / phổ biến (→ cảm nhận)			Định hình: Hình thái, cấu trúc, hình thể Tính rõ ràng, cụ thể (→ nhìn thấy)		
Phạm vi: Thống nhất các yếu tố STTN và STNV trong phạm vi địa phương			Giới hạn: Hài hòa giữa các yếu tố trong phạm vi công trình và địa điểm		
Môi cảnh BD					
Cái bất biến, ổn định: Các nhân tố BD nguồn Các môi trường STTN và VH-XH Các nguyên mẫu BẢN ĐỊA			Cái khả biến, thay đổi: Con người và XH (→ tiếp biến VH) Vật liệu và kỹ thuật (→ hiện đại hóa) Cảnh quan (TN, VH, Kiến trúc - Đô thị)		
Các nhân tố BD nguồn → thường trực, tác động bao trùm			Các yếu tố ảnh hưởng → thay đổi, tác động tùy thời điểm		
Cấu trúc biểu hiện của tính BD					
Cấu trúc sơ cấp: Nguyên tắc kiến tạo Vật liệu + Cấu trúc + Hình dạng → các Nguyên mẫu, kiểu mẫu BD (Prototype, Pattern)			Cấu trúc thứ cấp: Không gian (như cầu sử dụng) và Hình thức (ý đồ biểu đạt) → các biến thể BD (Variations)		
Cấu trúc chiều sâu (nội dung, ý nghĩa) Cảm nhận về tinh thần BD, bản sắc (xâu chuỗi và phát triển cái cảm thấy)			Cấu trúc bề mặt (hình thức, biểu hiện) Hệ thống dấu hiệu, hình ảnh thị giác (liên hệ những cái nhìn thấy)		
Cái truyền thống (quá khứ → hiện tại) → Tiếp nối và Phát huy (đổi mới)			Cái hiện đại, đương đại (→ tương lai) → Tiếp thu và Phát triển (thích ứng hóa)		
Phương thức biểu hiện của tính BD					
(1) Phương thức Tự thân: Nội dung BD + Vật chất BD → Hình thức BD			(2) Phương thức Cải biến: Hình thức BD + VC đương đại → Hình thức BD hóa		
(3) Phương thức Tổng hợp: Tinh thần BD + Vật chất BD / BD mới → Hình thức BD mới					
Thông tin, nội dung BD → Mã hóa → Ký hiệu, mã BD			Ký hiệu BD → Giải mã → Cảm nhận tinh thần BD		
Ý nghĩa ký hiệu (tinh thần BD) Reference (Signified)	Vật thực Referent	Hình thức ký hiệu (biểu hiện) Symbol (Signifier)	Nguồn (người thiết kế, XD) Ý nghĩa gốc	Đường truyền Ký hiệu kiến trúc	Đích (người xem, quan sát) Ý nghĩa mới phái sinh
Phương thức biểu hiện: Hiện thị hóa, Biểu trưng hóa, Bỏ khuyết (chuyên hóa BS địa phương vào kiến trúc) Ẩn dụ, ám thị (thông qua các ký hiệu kiến trúc là mã BD)			Phương thức cảm nhận: Trực tiếp (so sánh, đối chiếu với cái đang hiện diện trong thực tế) Gián tiếp (liên hệ, liên tưởng tới cái được lưu giữ trong tiềm thức)		

3.1.2. Phương thức biểu hiện của tính bản địa trong kiến trúc



Hình 3. 2 Tiến trình chung của vấn đề biểu hiện tính

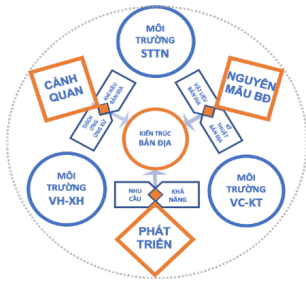


Hình 3. 1. Liên hệ giữa các phương thức BH tính BD trong kiến trúc

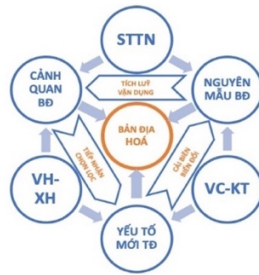
Có 03 phương thức biểu hiện tính BD nổi tiếp nhau trong tiến trình lịch sử: 1/ PT Tự thân: Nội dung BD + Vật chất BD -> Hình thức BD gốc; 2/ PT Cải biên: Hình thức BD + Vật chất BD mới -> Hình thức BD hóa; 3/ PT Tổng hợp: Tinh thần BD + Vật chất đương đại -> Hình thức BD mới.

Trong quá khứ, tính BD BH bằng phương thức tự thân định hình các hình thức BD gốc (nguyên mẫu); BH bằng phương thức cải biên tạo thành các hình thức BD hóa (các biến thể / kiểu cách). Hiện nay, phương thức tổng hợp là dùng các công cụ mới (kỹ thuật và vật liệu hiện đại) để biểu đạt tinh thần BD, dẫn đến các hình thức BD mới (còn gọi là BH thông qua sự tích hợp yếu tố ĐĐ).

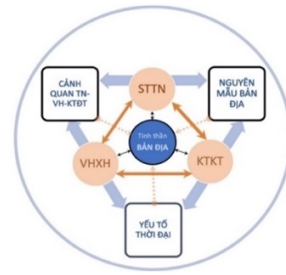
3.1.3. Cấu trúc môi cảnh bản địa



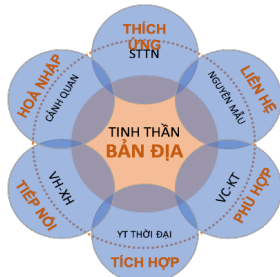
Hình 3. 3 Cấu trúc sơ cấp và sự hình thành cấu trúc thứ cấp môi cảnh BD



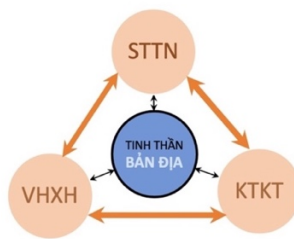
Hình 3. 4. Sự phát triển của cấu trúc thứ cấp trong môi cảnh BD



Hình 3. 5. Cấu trúc tổng hợp của môi cảnh BD



Hình 3. 6. Các thành phần môi cảnh BD và quan hệ với KT



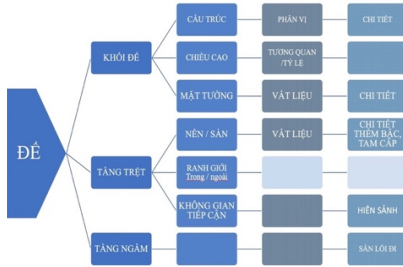
Hình 3. 7. Cấu trúc sơ cấp và cấu trúc thứ cấp của Môi cảnh BD

Môi cảnh BD là sự phối hợp tổng thể phức tạp của các nhân tố BD nguồn đến từ các hệ STTN và STNV tại ĐP. Xét theo tác động đến BH trong kiến trúc, thì môi cảnh BD có thể xem là sự song trùng của MT BD (phương diện ND) và Cảnh quan BD (phương diện HT) - trong đó MT BD là thành phần sơ cấp còn cảnh quan BD là thành phần thứ cấp. Môi cảnh BD như vậy có sự phát triển theo thời gian, với nền tảng là cấu trúc sơ cấp (gồm MT STTN kết hợp với các MT VH-XH và VC-KT), được củng cố dần và phát triển thêm cấu trúc thứ cấp (gồm các yếu tố nguyên mẫu BD, cảnh quan

TN-VH-KT-ĐT và yếu tố đương đại). Các cấu trúc sơ cấp (MT) và thứ cấp (cảnh quan) được liên kết chồng lớp với nhau bởi tinh thần chung của tính BD (hình 3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 3.7).

3.1.4. Các thành phần biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc công trình

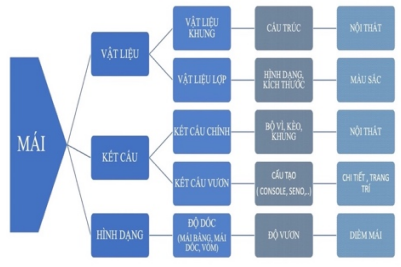
Nhìn chung về cấu trúc, thì hình thức kiến trúc của một công trình thường tạo thành 3 phần có tính biểu trưng, là phần Mái + phần Thân + phần Đế.



Hình 3. 8. Hệ thống các biểu hiện trong cấu trúc phần Đế



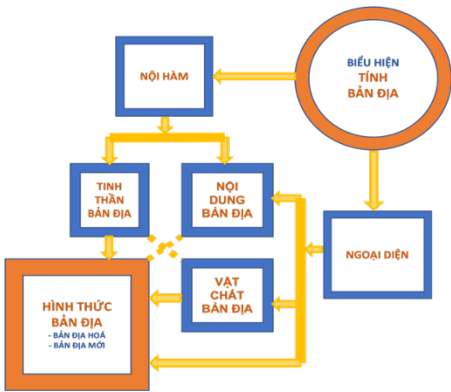
Hình 3. 9. Hệ thống các biểu hiện trong cấu trúc phần thân



Hình 3. 10. Hệ thống các BH trong cấu trúc phần Mái

3.2. Nhận diện BH của tính BD trong kiến trúc đương đại Việt Nam

3.2.1. Xác định các nhóm tiêu chí biểu hiện tính BD trong kiến trúc



Hình 3. 11. Nội hàm và ngoại diện của vấn đề BH tính BD trong kiến trúc

BH của tính BD trong kiến trúc (bao gồm BH của các khía cạnh nội hàm và ngoại diện của vấn đề - hình 3.11) có sự kết hợp các cấu trúc sơ cấp và thứ cấp (của quan hệ kiến tạo), cấu trúc chiều sâu và cấu trúc bề mặt (của ngôn ngữ biểu đạt). Cấu trúc sơ cấp và cấu trúc chiều sâu thuộc về nội hàm của tính BD trong kiến trúc. Cấu trúc thứ cấp cũng như cấu trúc bề mặt (hình thức công trình và ngôn ngữ kiến trúc) thuộc về nhóm ngoại diện - là các dấu hiệu BH để nhận diện Tính BD.

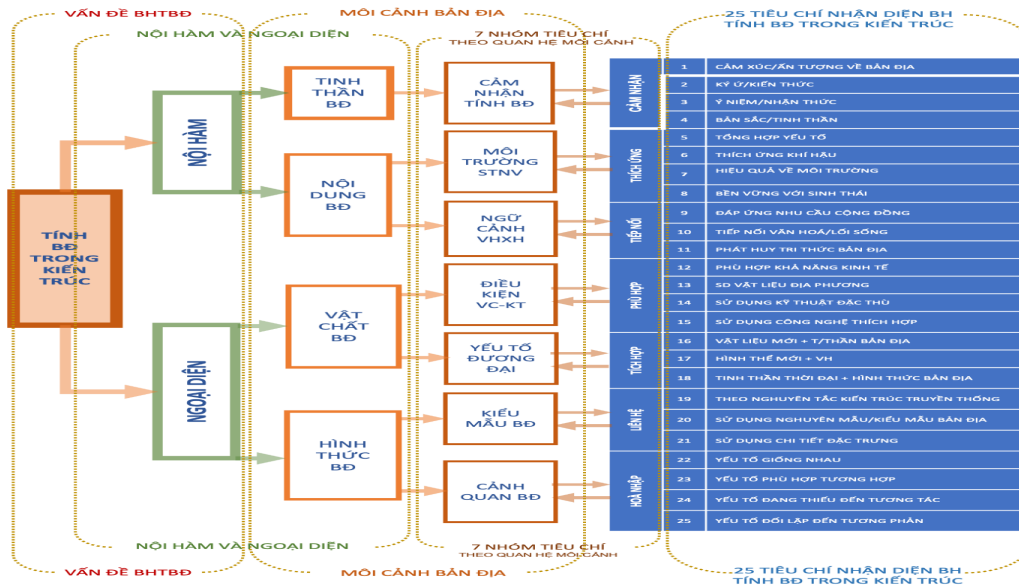
Nội hàm của vấn đề là nhận thức về tính BD / bản sắc địa phương trong kiến trúc - phản ánh các yếu tố tinh thần bản địa và nội dung bản địa. Ngoại diện của vấn đề là sự biểu hiện của tính BD / bản sắc địa phương - trong các yếu tố vật chất bản địa và hình thức bản địa. Từ đó, biểu hiện của tính BD trong kiến trúc đương đại có thể xác định thông qua mối quan hệ với các khía cạnh của môi cảnh BD.

Bảng 3. 2. Các nhóm tiêu chí nhận diện tính BD trong KTĐDVN

TT	KHÍA CẠNH MÔI CẢNH	CÁC THÀNH PHẦN MÔI CẢNH		CÁC NHÓM TIÊU CHÍ KHUNG
Nội hàm	Tinh thần BD	1	Tinh thần BD	Truyền đạt cảm xúc, nhận thức về tinh thần BD
	Nội dung BD	2	Môi trường STTN	Thích ứng môi trường STTN
Ngoại diện	Vật chất BD	3	Môi trường VH-XH	Tiếp nối ngữ cảnh VH-XH
		4	Các yếu tố VC-KT	Phù hợp về vật chất và kỹ thuật
	5	Yếu tố đương đại	Tích hợp với yếu tố mới	
	Hình thức BD	6	Các kiểu mẫu BD	Liên hệ với các kiểu mẫu BD
		7	Cảnh quan BD	Hòa nhập với cảnh quan BD

3.2.2. Xây dựng hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BD trong KTDD

Trên cơ sở cấu trúc vấn đề biểu hiện của tính BD và nhóm môi cảnh BD, 7 nhóm tiêu chí khung Luận án xác định sơ đồ cấu trúc của hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BD theo sơ đồ sau (hình 3.12).



Hình 3. 12. Sơ đồ cấu trúc Hệ thống tiêu chí nhận diện BH Tính BD

Bảng 3. 3. Hệ thống tiêu chí nhận diện BH của tính bản địa trong kiến trúc

THÀNH PHẦN MÔI CẢNH		CÁC YẾU TỐ	CÁC TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN		THỦ PHÁP
Tinh thần BD	Cảm nhận	Cảm xúc	1	Gợi lại ấn tượng / cảm xúc quen thuộc về tinh thần BD (vô thức)	Ấn dụ
			2	Gợi liên tưởng đến hình ảnh trong ký ức về cái BD (tiềm thức)	
	Nhận thức	3	Biểu trưng hóa ý niệm / nhận thức về tinh thần BD (ý thức)	Biểu trưng	
		4	Chuyên hóa tinh thần BD từ môi cảnh vào kiến trúc (hành động)		
Môi trường STTN	Thích ứng	Điều kiện tự nhiên và khí hậu	5	Tôn trọng các yếu tố tự nhiên vốn có của địa phương	EE-1 EE-2 EE-3
			6	Thích ứng với khí hậu - kể cả với sự biến đổi đang diễn ra	
	Môi trường sinh thái	7	Hiệu quả về môi trường / cải thiện chất lượng môi trường sống		
		8	Thích ứng toàn diện và lâu dài / Bền vững về sinh thái		
Môi trường VH-XH	Tiếp nối	Cộng đồng	9	Đáp ứng nhu cầu và phục vụ hoạt động của cộng đồng	
		VH và lối sống	10	Tiếp nối truyền thống VH; tôn trọng tập quán sinh hoạt	
		Tri thức BD	11	Khai thác / phát huy các kinh nghiệm và ứng xử dân gian	
Các yếu tố VC-KT	Phù hợp	Kinh tế	12	Phù hợp với mức sống và khả năng kinh tế của cộng đồng	
		Vật liệu	13	Sử dụng vật liệu đặc trưng / quen thuộc / sẵn có ở địa phương	
		Kỹ thuật	14	Thực hiện bằng kỹ thuật XD đặc thù của địa phương	
		Công nghệ	15	Sử dụng công nghệ thích hợp với điều kiện địa phương	

Yếu tố thời đại / đương đại	Tích hợp	Vật liệu mới	16	Thể hiện tinh thần BD bằng vật liệu mới → hình thức BD mới	Biểu trưng
		Hình thể mới	17	Lồng ghép các giá trị VH truyền thống vào hình thể mới	Lồng ghép
		Ý nghĩa mới	18	Kết hợp hình thức BD với tinh thần của thời đại / con người mới	
Các kiểu mẫu BD	Liên hệ	Hình thái	19	Cấu trúc không gian, bố cục, tổ hợp theo nguyên tắc truyền thống	Ký hiệu và Mã hóa
		Kiểu mẫu	20	Sử dụng các nguyên mẫu / kiểu mẫu, hình thức / mô thức BD	
		Chi tiết	21	Sử dụng các chi tiết kiến trúc, trang trí, cấu tạo đặc trưng	
Cảnh quan BD	Hòa nhập	Sự tương tự	22	Sử dụng các yếu tố giống nhau để hòa đồng với môi cảnh	Hòa pháp
		Sự tương hợp	23	Sử dụng các yếu tố phù hợp với đặc trưng của môi cảnh	Bổ pháp
		Sự tương tác	24	Bổ sung các yếu tố còn thiếu để tạo sự cân bằng cho môi cảnh	Tả pháp
		Sự tương phản	25	Sử dụng yếu tố đối lập trong sự thống nhất để ổn định môi cảnh	Đối pháp

3.2.3. Biểu hiện Tính BD trong kiến trúc ĐDVN

Bộ tiêu chí nhận diện biểu hiện tính BD (gồm 7 nhóm và 25 tiêu chí thành phần) được sử dụng để nhận diện biểu hiện tính BD trong kiến trúc đương đại Việt Nam, trên cơ sở xem xét và phân tích thông tin thị giác có được về các thành phần và đặc điểm của công trình. Thông tin thị giác bao gồm những hình ảnh thực tế, sản phẩm diễn họa, bản vẽ, hồ sơ thiết kế,.. đủ độ xác thực để có được sự nhận diện đáng tin cậy. Để nhận diện được một cách nhạy bén, để nhận biết một dấu hiệu là biểu hiện của tính BD - người nghiên cứu cần nắm bắt thêm các dữ liệu cụ thể về môi cảnh BD đặc thù của địa phương.

Bảng 3. 4. Biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc ĐDVN

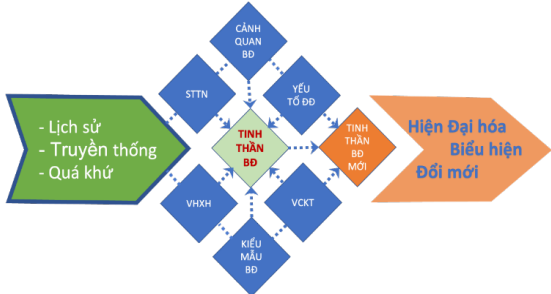
HỆ THỐNG CÁC TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA			BIỂU HIỆN TÍNH BẢN ĐỊA TRONG KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM - TÊN CÔNG TRÌNH		
NHÓM TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	QUY MÔ BIỂU HIỆN	HÌNH ẢNH THỰC TẾ - BẢN VẼ KIẾN TRÚC	CẢM NHẬN TÍNH BẢN ĐỊA	
1. Tinh thần BD	Cảm nhận	1	Gợi lại ấn tượng / cảm xúc quen thuộc về tinh thần BD (vô thức)	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 1)
		2	Gợi liên tưởng đến hình ảnh trong ký ức về cái BD (tiềm thức)		
		3	Điều trưng hóa ý niệm / nhận thức về tinh thần BD (ý thức)	A	
		4	Chuyển hóa tinh thần BD từ môi cảnh vào kiến trúc (hành động)		
2. Môi trường STTN	Thích ứng	5	Tôn trọng các yếu tố tự nhiên vốn có của địa phương	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 2)
		6	Thích ứng với khí hậu - kể cả với sự biến đổi đang diễn ra		
		7	Hiệu quả về môi trường / cải thiện chất lượng môi trường sống	A	
		8	Thích ứng toàn diện và lâu dài / Bền vững về sinh thái		
3. Môi trường VH-XH	Tiếp nối	9	Đáp ứng nhu cầu và phục vụ hoạt động của cộng đồng	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 3)
		10	Tiếp nối truyền thống VH; tôn trọng tập quán sinh hoạt		
		11	Khai thác / phát huy các kinh nghiệm và ứng xử dân gian	B	
12	Phù hợp với mức sống và khả năng kinh tế của cộng đồng				
4. Các yếu tố VC-KT	Phù hợp	13	Sử dụng vật liệu đặc trưng / quen thuộc / sẵn có ở địa phương	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 2)
		14	Thực hiện bằng kỹ thuật XD đặc thù của địa phương		
		15	Sử dụng công nghệ thích hợp với điều kiện địa phương	B	
5. Yếu tố thời đại / đương đại	Tích hợp	16	Thể hiện tinh thần BD bằng vật liệu mới → hình thức BD mới	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 5)
		17	Lồng ghép các giá trị VH truyền thống vào hình thể mới		
		18	Kết hợp hình thức BD với tinh thần của thời đại / con người mới		
6. Các kiểu mẫu BD	Liên hệ	19	Cấu trúc không gian, bố cục, tổ hợp theo nguyên tắc truyền thống	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 6)
		20	Sử dụng các nguyên mẫu / kiểu mẫu, hình thức / mô thức BD		
		21	Sử dụng các chi tiết kiến trúc, trang trí, cấu tạo đặc trưng	B	
22	Sử dụng các yếu tố giống nhau để hòa đồng với môi cảnh	A	MÔ TẢ CỤ THỂ - DIỄN GIẢI - Ý NGHĨA (NHÓM TIÊU CHÍ 7)		
23	Sử dụng các yếu tố phù hợp với đặc trưng của môi cảnh				
24	Bổ sung các yếu tố còn thiếu để tạo sự cân bằng cho môi cảnh				
25	Sử dụng yếu tố đối lập trong sự thống nhất để ổn định môi cảnh				
TỔNG	0 25	Thành tố cấu thành Biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc công trình	0	GHI CHÚ: A Là ảnh minh họa / hình vẽ biểu hiện theo từng nhóm tiêu chí. B Là hình ảnh biểu hiện chung của 2 nhóm	

3.2.4. Vận dụng bộ tiêu chí nhận diện BH tính BD trong một số công trình KTĐD VN

Luận án đã vận dụng Bảng hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BD trong việc chỉ ra các biểu hiện của tính BD trong các công trình kiến trúc ĐD sau: 1/ 3.2.4.1. Công trình Bảo tàng Đăklăk; 2/ 3.2.4.2. Công trình Bảo tàng Hà Nội; 3/ 3.2.4.3. Công trình Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ.

3.3. Phát huy hiệu quả biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc đương đại việt nam

3.3.1.1. Quan điểm định hướng:



Luận án đề xuất Quan điểm định hướng chung là lấy phương thức Tổng hợp (Tinh thần BD + Vật chất đương đại □ Hình thức BD mới) làm phương thức chủ đạo để biểu hiện tính BD phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc “tiên tiến và đậm đà bản sắc”. Mô hình định hướng (hình 3.13) cũng đề xuất một quá trình liên tục từ nghiên cứu đến thiết kế kiến trúc:

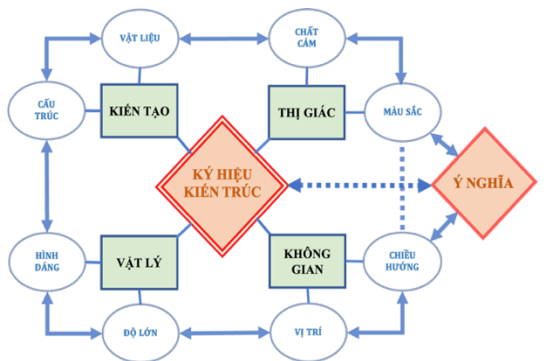
Hình 3. 13 Định hướng phát huy BH của Tinh BD trong KTĐD

3.3.1.2. Quy nạp đặc trưng của môi cảnh theo Ngũ hành.

3.3.1.3. Phát triển nội dung tinh thần bản địa

Những yếu tố cần được quan tâm để phát triển tinh thần BD và đổi mới BH của tính BD trong kiến trúc đương đại:

Tinh thần BD mới không thoát ly truyền thống - mà góp phần hoàn thiện các giá trị BD, hướng tới cái phù hợp hơn với con người và môi cảnh ĐP. Kiến trúc mang hơi thở của thời đại - thông qua việc sử dụng kỹ thuật, công nghệ và VL thích hợp để phục vụ con người thuận tiện hơn (→ nâng cấp đặc trưng linh hoạt của kiến trúc truyền thống); tổ chức không gian hiệu quả hơn cho việc khai thác địa điểm và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (→ khắc phục những bất cập của kinh nghiệm dân gian và các kiểu mẫu BD); tạo dựng MT thị giác phong phú hơn và giàu ý nghĩa hơn (→ đa dạng hóa BH hình thức so với kiến trúc truyền thống);..



Hình 3. 14 Ký hiệu kiến trúc gắn với Ý nghĩa mã BD

3.3.1.4. Khai thác hình thức vật chất bản địa:

Hình thức - Vật chất BD là phương tiện để chuyển hóa tinh thần BD (là khái niệm trừu tượng) thành những hình ảnh, cấu trúc cụ thể (trên cơ sở phối hợp các yếu tố Ý nghĩa → Ký hiệu → Giải nghĩa). Các khía cạnh HT-VC BD thuộc về truyền thống là những di sản vật thể được bảo lưu - gồm các nguyên mẫu (Prototype), kiểu mẫu / mô thức (Pattern). Các hình thức BD được hiện đại hóa về phương diện vật chất sẽ trở thành những hình thức BD mới; còn hình thức được thích ứng hóa với ND tinh thần BD mới sẽ là hình thức BD hóa.

3.3.1.5. Biểu hiện tinh thần BD phù hợp với tâm thức và VH ứng xử

Để nhận thức và tiếp nối tinh thần BD, cần phân tích các nhân tố BD nguồn của ĐP, trên cả 2 phương diện - cảnh quan TN (địa hình, địa mạo, mặt nước, dòng chảy, cây cối,..) và cảnh quan VH (diện mạo kiến trúc, hình ảnh đô thị, khung cảnh sinh hoạt,..) - từ đó nhận diện đặc trưng môi cảnh và đặc trưng VH. Đặc biệt chú ý khu vực lân cận các di sản thiên nhiên (danh lam, thắng cảnh nổi tiếng), xung quanh các di sản kiến trúc và đô thị (di chỉ, di tích, di sản quần thể,..) - thường là những

nơi ẩn chứa giá trị BÐ / BS địa phương. Phân tích hình thái và phân tích cấu trúc để làm rõ đặc điểm và tính chất của môi cảnh, dựa vào tương quan giữa các thành phần để xác định phương

3.3.2. Phát huy hiệu quả biểu hiện tính BÐ trong kiến trúc ĐĐVN

3.3.2.1. Chuyển hóa bản sắc địa phương vào kiến trúc:

Từ quan điểm Cấu trúc luận, thì hình thái của môi cảnh (môi trường và cảnh quan) chứa đựng những cấu trúc tầng sâu tác động đến nhận thức và gắn liền với cảm xúc của con người. Các cấu trúc VC ở đâu cũng gắn liền với logic kiến tạo (Tectonics), tuân thủ quy luật biện chứng về sự thống nhất và chuyển hóa giữa các mặt đối lập, và phản ánh đặc trưng tinh thần BÐ ở đó. Trong phạm vi không gian xác định của địa phương, thì kiến trúc là cấu trúc nhân tạo làm nên sự thống nhất hữu cơ giữa các cấu trúc VC TN và các hoạt động của con người tại đó, tạo nên những cảm xúc, nhận thức và trải nghiệm tương ứng. Chính vì vậy, kiến trúc được xem là hiện tượng của môi cảnh BÐ và qua đó phản ánh tinh thần BÐ, BH BSĐP.

3.3.2.2. Kiến trúc hợp cách với môi cảnh BÐ:

Với các phương thức Hiện thị hóa và Bổ sung, bổ khuyết, không có chỉ số định lượng cụ thể để xác định một yếu tố là ít hay nhiều, thừa hay thiếu, mà phải căn cứ vào trạng thái cân bằng ổn định của toàn thể (được nhận định theo Ngũ hành). Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới TN và XH (dù là hữu thể, phi vật thể, bất biến, vận động - kể cả thời gian) đều có thể được quy nạp theo Ngũ hành để xác định bản thể và tính chất các mối quan hệ của nó. Từ việc vận dụng nguyên lý Ngũ hành để nhận diện đặc trưng của môi cảnh BÐ (3.3.1.2), có thể xác định đặc trưng hình thái của công trình kiến trúc được xen cấy vào sao cho đúng cách. Không thể lấy quy mô to lớn để áp chế TN, thay đổi cấu trúc bản thể của TN - tuy nhiên một kiến trúc dù nhỏ nhưng được đặt đúng chỗ và hợp cách thì sẽ góp phần củng cố, hoàn thiện môi cảnh chung của khu vực và làm tăng thêm ý nghĩa, giá trị cho bản thân nó.

3.3.3. Biểu hiện tinh thần bản địa trong hình thức vật chất

3.3.3.1. Quy nạp các vật liệu nhân tạo theo Ngũ hành

Một trong những yếu tố có vai trò quan trọng, tác động trực tiếp đến khả năng và hiệu quả BH của tính BÐ trong KTĐĐ - là các loại vật liệu XD và vật liệu hoàn thiện mới, kèm theo đó là các công nghệ và kỹ thuật XD hiện đại.

Bê tông cốt thép (BTCT), kính, vải, nhựa, chất dẻo,.. là những vật liệu rất thông dụng trong kiến trúc hiện đại và ĐĐ - nhưng không có mặt trong tự nhiên cũng như trong kiến trúc truyền thống vì chỉ mới được phát minh, sản xuất, phổ biến trong thế kỷ XX. Tuy nhiên, chính các vật liệu nhân tạo này lại có khả năng mang những đặc điểm, tính chất, hình thái,.. của các hành khác nhau - phát sinh do tác động của các điều kiện đặc biệt, các yếu tố cực đoan trong quá trình chế tạo. Như vậy, việc quy nạp đặc trưng của các loại vật liệu nhân tạo theo Ngũ hành sẽ là cơ sở để phối hợp chúng với các loại vật liệu gốc TN sao cho hợp cách, nhằm bổ khuyết cho môi cảnh, cho kiến trúc một cách hiệu quả - đồng thời mang lại khả năng đổi mới, làm phong phú hóa và hiện đại hóa BH của tính BÐ.

3.3.3.2. Biểu trưng hóa cảm nhận về tính BÐ thông qua Liên tưởng và Ẩn dụ

Phương thức Biểu trưng hóa sử dụng công cụ là các ký hiệu (yếu tố hình thức được mã hóa), dựa trên cơ sở các phép Liên tưởng và Ẩn dụ.

Cách nói “biểu trưng hóa” để định hướng con người đến chỗ chỉ sử dụng một vài hình ảnh tiêu biểu, được thừa nhận chung là có giá trị hình tượng (Symbol), và thường là có tính lịch sử. Điều đó sẽ khiến cho kiến trúc mang tính nệ cổ và hình thức bị trùng lặp (đơn điệu, nhàm chán). Với đa số các trường hợp khác, hoàn toàn có thể sử dụng những thủ pháp thông thường hơn của phép ẩn dụ và

liên tưởng để biểu đạt ý niệm / cảm nhận về tinh thần BD ở nhiều mức độ khác nhau - cho phép tạo ra sự đa dạng và sinh động cho kiến trúc.

3.4. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu

3.4.1. Bàn luận về Phương thức BH tính BD trong kiến trúc ĐĐVN

Luận án đã kế thừa kết quả của những nghiên cứu đi trước, trên tinh thần phối hợp các quan điểm khác nhau giữa các góc nhìn “từ trong ra” và “từ ngoài vào”, giữa các cách tiếp cận “BD hóa kiến trúc hiện đại” và “hiện đại hóa kiến trúc BD”. Sự hội tụ này là tiền đề cho việc tạo dựng KTĐĐ “tiên tiến và có bản sắc” (Mo-dentical = Modern + Identical), cũng là “đáp ứng toàn cầu và thích ứng với ĐP” (Glo-cal). Các kết quả của luận án đã cho phép hình thành một phương pháp BH tính BD nhất quán và có tính logic có thể vận dụng vào công tác thiết kế kiến trúc.

Một vấn đề cần có các nghiên cứu tiếp theo để làm rõ thêm - là vai trò của yếu tố VH (liên quan đến “bản sắc VH ĐP”). Theo hướng này cần nhận diện được bản sắc VH là gì? Còn giữ được ở mức độ nào trong thực tế (sau thời kỳ 1954-1986 và giai đoạn đầu đổi mới 1990-)? Các chuẩn mực và giá trị VH truyền thống có còn phù hợp với nhu cầu của thời đại mới? Có cơ hội để tiếp tục tồn tại, có khả năng tiếp nối và phát huy không? Và khi có nhiều sắc tộc cùng cư trú ổn định từ lâu đời trên một địa bàn - thì các đặc trưng VH riêng của mỗi tộc người có thể thống nhất, phối hợp được với nhau trong bản sắc VH “chung” của địa phương không?

Có thể thấy dù điều kiện TN như nhau nhưng chủ thể khác nhau thì khó có bản sắc VH chung - do đó bản sắc địa phương (hay tinh thần BD) sẽ chỉ chọn lọc lấy những đặc điểm tương đồng và để lại khả năng phát huy đặc trưng, bản sắc riêng cho mỗi dân tộc. BH cụ thể của tính BD sẽ phụ thuộc vào thành phần, quy mô và sự phân bố của các cộng đồng dân cư (độc lập, đan xen, giao thoa), cũng như thế ứng xử tự nhiên của con người (xuất phát từ tâm thức) và lối ứng xử phổ biến của cộng đồng (VH ứng xử).

Việc cấu trúc hoá BH tính BD cho phép nhận thức toàn diện và biện chứng về vấn đề này. Tính BD, tinh thần BD hay bản sắc địa phương trong kiến trúc không phải là bất biến từ quá khứ, mà phát triển cùng với con người, theo thời gian, tiếp nối truyền thống một cách linh hoạt và sáng tạo để thích ứng với tinh thần của thời đại. Với quan điểm này, luận án đã làm rõ cấu trúc của môi cảnh BD, hệ thống hóa các khía cạnh BH Tính BD trong kiến trúc, các khả năng và vị trí BH gắn với cấu trúc công trình.

3.4.2. Bàn luận về hệ thống tiêu chí nhận diện BH tính BD trong kiến trúc ĐĐVN

Đây là bộ tiêu chí khung để nhận diện và kiểm chứng các BH của tính BD trong kiến trúc - không phải để đánh giá chất lượng kiến trúc hay so sánh mức độ hơn kém nhau, cũng không thay thế cho nội dung của các khái niệm “tính bản địa” / “bản sắc địa phương”. Mục đích của nó nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả BH tính BD trong quá trình nghiên cứu thiết kế kiến trúc. Hiệu quả BH được nhìn nhận bởi chiều sâu ý nghĩa của nội hàm và sự phong phú mạnh mẽ của ngoại diện.

3.4.3. Bàn luận về phát huy BH Tính BD trong kiến trúc ĐĐVN

Phạm vi BH của tính BD phụ thuộc vào môi cảnh cụ thể của mỗi ĐP. Đó không phải là địa giới hành chính để quản lý theo phân cấp và quy mô - mà là địa bàn có sự hội tụ tác động của các nhân tố BD nguồn, trong đó các phạm vi riêng (theo từng nhóm yếu tố) có thể khác nhau và không hoàn toàn trùng khớp, đồng nhất. Phạm vi về không gian (liên quan tới các yếu tố địa lý TN) rộng nhất, nhưng thường là ổn định và được xác lập tương đối rõ ràng. Phạm vi về thời gian (liên quan tới các yếu tố truyền thống, lịch sử, tính quá trình) thì có thể chồng lợp, lồng ghép, tích hợp với nhau. Phạm vi về nhân gian (liên quan tới tộc người và các yếu tố VH-XH) là phức tạp nhất, có thể dàn trải, co cụm,

biến đổi, mở rộng, đan xen vào nhau - cùng với sự gia tăng thành phần dân số, mật độ dân cư và địa bàn cư trú. Vì vậy nên tiếp cận từ góc độ Địa - VH để có cái nhìn tổng thể.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1/ Luận án đã tiến hành tổng thuật hệ vấn đề tính BD trong kiến trúc và trong các nghiên cứu có liên quan đến đề tài; xem xét sự biểu hiện tính BD trong mối liên hệ với các khía cạnh Dân tộc và Quốc tế, Truyền thống và Hiện đại, đặt trong bối cảnh phát triển của XH đương đại.

2/ Luận án đã xác lập các cơ sở khoa học về BH của tính BD trong kiến trúc - gồm cách tiếp cận nghiên cứu, 03 nhóm cơ sở lý luận (về quan hệ giữa kiến trúc với địa điểm, với hệ thống VH và với ngôn ngữ HT), nhóm các yếu tố ảnh hưởng và kinh nghiệm thực tiễn.

3/ Luận án đã hệ thống hoá các quan điểm lý luận và nhận thức về vấn đề biểu hiện của tính BD trong kiến trúc; từ đó đã xác lập hệ thống các khía cạnh biểu hiện tính BD trong cấu trúc công trình, các thành phần của môi cảnh BD đồng thời chỉ ra các phương thức biểu hiện tính BD trong kiến trúc.

4/ Trên cơ sở làm rõ tính chất mối quan hệ giữa kiến trúc và các khía cạnh của môi cảnh BD, luận án đã xây dựng Hệ thống tiêu chí (gồm 07 nhóm - với 25 tiêu chí thành phần) để định hướng sự biểu hiện và nhận diện các dấu hiệu biểu hiện của tính BD trong kiến trúc đương đại Việt Nam.

5/ Vận dụng Hệ thống tiêu chí nhận diện, luận án đã đề xuất các định hướng nâng cao hiệu quả biểu hiện của tính BD trong kiến trúc đương đại Việt Nam. Trên cơ sở đó đã hình thành một phương pháp BH tính BD nhất quán và có tính logic, có khả năng vận dụng vào công tác thiết kế kiến trúc.

2. Kiến nghị

Để các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế và phát huy hiệu quả biểu hiện Tính BD trong kiến trúc đương đại Việt Nam, luận án kiến nghị:

1/ Trên cơ sở bộ tiêu chí khung của luận án, chính quyền các cấp cần tiếp tục nghiên cứu xác lập cụ thể bộ mã BD cho các địa phương để phục vụ công tác thiết kế kiến trúc cũng như thẩm định và quản lý QH-KT.

2/ Các trường đào tạo kiến trúc cần bổ sung vấn đề Tính BD (với nội dung và thời lượng phù hợp với bối cảnh của ĐP) trong chương trình đào tạo KTS; có kế hoạch đưa vào giảng dạy trên các phương diện lý thuyết, nghiên cứu và thực hành.

3/ Trong khuôn khổ Luật Kiến trúc, Hội KTS Việt Nam cần tổ chức các hoạt động nghiên cứu và đào tạo về Tính BD trong kiến trúc (trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thường niên - CPD) để củng cố nhận thức của các KTS và nâng cao hiệu quả của hoạt động hành nghề.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1/ Trần Mạnh Cường (2020), Vấn đề bản địa trong kiến trúc, Tạp chí Kiến trúc, Hội KTS Việt Nam, Bộ Xây Dựng số 304 tháng 8/2020. ISSN:0866-8617.

2/ Trần Mạnh Cường (2020), Dấu ấn của tính bản địa trong kiến trúc, Tạp chí Kiến trúc, Hội KTS Việt Nam, Bộ Xây Dựng số 304 tháng 8/2020. ISSN:0866-8617.

3/ Trần Mạnh Cường (2021), Hiểu và nhận thức về tính bản địa trong kiến trúc, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, Viện kiến trúc quốc gia. Số 233-2021. ISSN:0868-3768.

4/ Trần Mạnh Cường (2021), Hệ thống tiêu chí nhận diện biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc đương đại Việt Nam, Tạp chí Kiến trúc, Hội KTS Việt Nam. Bộ Xây Dựng số tháng 11-12/2021. ISSN:0866-8617.